

CUỐN II

GOM GÓP HẠT CHÂU NGOÀI BIỂN

KHUÔN HUYỀN CÔ LẠI

BÀI CA GOM HẠT CHÂU NGOÀI BIỂN

Thiên Hoàng

Hoàng cùng Thái Vượng gió to
(Hoàng Trời và Thái Ất một khi hợp ở cung Vượng tướng thì gió khắp bầu trời trong thiên hạ).

Trời Trăng quầng ám thăm dò âm dương
(Hợp ở cung Dương thì trời quầng. Cung Âm thì trăng quầng).
Trời quầng gió lớn Đông Phương
Trăng quầng gió khởi Thái, Hoàng cửa Tây
(Thái Ất hợp Thiên Hoàng ở cửa Tây)
Nam mưa lớn, Bắc mù mây
Mưa mù biển khắp, hợp này Thiên Tôn
(Thiên Hoàng và Thiên Tôn hợp, mưa mù lớn, Trời Trăng có biển).
Năm gió hội, gió tươi bời, chim mưa gió nhỏ, thời trời tối om.
(Thiên Hoàng và Phi điều hợp: mưa âm, Thiên Thời hợp: u ám).

Thiên Thời

Thiên Thời hợp Thái Vượng Môn.
Hoặc là mây gió, hoặc còn âm u.
(Hợp ở đất Vượng Tướng: mưa âm u).

Thiên Tôn

Thiên Tôn hợp Thái lịch xưa
Gặp phương Vượng Tướng Âm thì mưa rét nhiều
Trời quầng cung 4 – 8 nêu. Âm u cung 6; Rét đều cung 2
(Tôn hợp cung 8 thì trời quầng, Rét đều là dương hàn)
Tôn, Tinh, Phi, Đế hợp bài,
Hoặc mưa nhỏ ẩm, Phù này gió rung.
(Thiên Tôn hợp Phi điều: hoặc mưa nhỏ mà ẩm; hợp đế phù thì gió mạnh, mưa nhỏ).

Đế Phù

Đế Phù ví như cùng về cung với Thái Nhất. Lại được phương Vượng thì là gió dập mây mù, triệu chứng có mưa bụi bay. Gặp Văn Xương thì trời biến, gió luồng mù mịt âm u. Thái Ất; Phù cùng hợp lâm cung dương thì tạnh ráo mà hạn nở, nếu vào cung Âm thì mờ ám và mưa.

Phi Điều :

Phi Điều hợp lưu cung một ngôi (Thái Nhất)
Được ngôi Vượng Tướng thì phương địa bị khí hôn mờ
Phi ba Hoàng hội gió tung
Tôn đồng tạnh ráo. Thời đồng chủ âm.
Vào cung 9 – 6 trời quầng
(Chim bay hợp Thiên thời cung 9 – 6: trời quầng)
Thiên Hoàng: gió ẩm quá chừng, xưa nay
Năm hành hợp nhất Vượng phương.
Gió cuồng khí tối mưa phùn đại hàn
Trời trắng biến đổi đa đoan.
Ngũ phong, Tôn Mục cùng “ban” Năm Hành.

Ngũ Hành

Gió âm nhẹ hợp Phù Tinh.
Gió hiu, mưa bụi Ngũ Hành Bát phong

Bát phong

Bát phong với cả Năm Tôn Phù
Mưa dầm nước lũ Hợp Tôn họa nần
(8 gió hợp 5 gió thì gió lớn. Hợp Thiên Tôn : mưa lũ, Hợp Phù thì mưa dầm).
Hoàng - Thời luân biến âm trầm (trời trắng có biến)
Gió nhiều Dương hợp, mưa tầm cung âm.
(tức 8 gió hợp Thái Nhất vậy)

Ngũ phong

Cũng như Thái hợp ngũ phong.
Gặp phương Vượng Tướng, Trời trắng đổi hồng (có biến vậy)
Phù: gió lớn, Điều: tạt phong
Gió hiu, mưa bụi theo cùng
Thiên Tôn mịt mù, gió nhỏ bon bon.
Ngũ Phong, Thời (thiên) Mục (Văn xương) tương đồng cửa chung.

Tam Phong

Tam phong Thái lâm đất Vượng

Trời trắng bị khuấy bốn phương tối sầm.
 Tôn – Phù hợp với Tam Thần (3 gió).
 Tôn : mưa gió tối. Phù: râm tối mờ.
 Thiên Mục hơi tối lại có mưa,
 Ba phong tụ Ngũ, Hoàng thấy âm u luân chuyển.
 (Ba Gió, Năm Gió, Thiên Hoàng hợp nhau).

Thái Tuế

Thái Tuế là tượng khí vua trên, gặp Xung vua chẳng được yên bao giờ.
 Ví như trước Că (Thái Nhất) đang chờ, Năm dương tai nặng, âm nhờ qua loa.
 Bằng như sau Că một cung nhà (Thái Tuế bách Thái Nhất 1 cung sau)
 Năm dương nạn nhẹ, âm đà nặng thêm
 8, 3, 4, 9 Că (Thái) nê.
 Từ Ngọ đến Hợi (Thân Dậu Tuất Hợi Ngọ Mùi) là miền Tuế Xung.
 6 là trong năm sát khí lồng trong.
 Nước dâng, giặc, bệnh, lưu vong, hoang tàn.
 Những năm khác, khí sống (sinh khí).
 An, dù xung cũng chẳng gặp cơn có gì.
 Thái lâm, tai nạn không ghi.
 Ngoài suy ba lẽ, lại suy Cung Thần.

Thái Ất

Thái Nhất là tượng vua. Lúc chiến là tướng giỏi (Đến đâu, đấy có nắng nỏ, giặc giã, bệnh tật, nên rõ lý Trời Đất Người mà quyết).

Đói, khô, nước lửa trùng vắn (gặp) Cùng Kim: binh cách, Đất : gần tai ương.
 (Cùng) Phúc, Quân: vua ít nạn vương, Dùng binh nên tránh lẽ thường không sai.
 Dân Di chết hại trời tai, Thái Đồng Thiên Địa thêm bài Đại Du (Thái Ất hợp Thiên Ất, Địa Ất, Đại Du).

Nền Dân đói nặng vì ư, Nền Thần dân chẳng lợi cư phương này, 4 Thần, nước hạn đói vay, Phù Đồng binh cách Trời nay tai trời (Thiên Ất đồng Thái Ất).

Đất Nhất đồng Thiên khô hạn than ôi. Cỏ cây xơ xác khó nơi mọc cùng. Thái mà Tính Bách Yển 4 ngưng.

Quyền thần mưu tiếm ngôi rồng rắp manh. Phép nên cầu đảo chí thành. Phúc thừa vua phải thân hành cầu kêu (Nhân, Quân, Du ứng ở phương này). 8 năm Bách Cáp gặp, ngặt nghèo, Tuyệt, Dịch (rời) Kích, yếm đeo neo chập chùng (Thái Nhất, 8 năm gặp thì rất hung).

Ví kỳ 9 – 6 gặp cùng (9 Dương 106) Hạ, Trung nguyên hợp, nạn trùng trùng sâu (công phạt thoán giết). Âm dương trái số gặp đâu, vào quẻ Du Lớn tìm mau đổi lần (việc đổi rời). Thái Âm sau Tuế hai thần. Niên đầu (4 niên đầu Mạnh) Âm, Mục, Tương Thần trọng lai (Văn Xương, Thủy Kích hợp Tứ trọng Tý, Ngọ, Mão, Dậu) = 4 giữa. (Tên Đàn Xú, Hậu mưu hoài. Tuế phùng Ất lại, Âm hồi có nên. (Tuế kể gặp Thái Nhất, Thái Âm đồng cung). Là năm có sự nước bên. Đem dâng gái đẹp làm

duyên tốt lành. Văn tinh cùng với Âm tinh, Tướng, thượng phù mưu hiệp, dưới hành ngược sai. Hậu bị bó vì lòng hại. Vì âm tinh với Thủy Kích bày cùng cung. Vả niên Đán xú ở trong; thì tai thêm nặng thì hung không thường.

Đại Du

Du lớn tốt, đất tan hoang (Đại Du là Kim thần, cũng như Tiểu Du phải hiểu lý Trời Đất Người, mỗi Lý 12 năm).

Có 5 phúc, nạn chia sang đối đầu (tai nạn, binh cách thấy ở phương đối xung) Có Cơ (đồng xung) giảm nửa đao mâu. Tiểu (đồng cung) binh quái lạ, nước, sâu, nổ, tang. Phù đồng lửa hạn binh đao. Thần đồng nắng hạn, người ta bỏ làng (rủ nhau ra đi) Địa đồng: trộm cướp lúa sâu (lại thêm cây cỏ không mọc được). Trời đồng binh cách thêm rầu tai ương (Đến đâu đấy có nạn, tai trời binh cách quái lạ)

1 – 8 – 3 – 4 phần Dương: ngoài yên, trong nước loạn hoang khôn cùng.

9 – 2 – 7 – 6 Âm cung: nước ngoài loạn lạc mà trong yên hàn.

Tứ Thần

4 Thần bệnh tật gian nan, xét xem sinh vượng mà bàn Đuối Đâm (Khắc Hình).

4 Thần gom với Thiên Ất, Địa Ất, Trục Phù mà nói, đều là Thần Nước hết cả. Nếu gặp đất Kích Khắc: vua không đạo phải chết, nếu không thì nạn nước, hạn binh cách, hung hoang, trộm cướp làm hại. Gặp đất sống mạnh (Sinh Vượng) có khí, có đạo được tốt lành, tai ương giảm hết.

Như Thái Tuế gặp đất Thìn Tuất mà 4 thần lâm cung 5, gặp đất Sửu Vị mà 4 thần đến cung 3 – 7 là gặp Khắc Kích. Thái Tuế ở đất Tị - Lửa - Ngọ thì 4 thần tới cung 9 là gặp Khắc Kích. Cao thấp lẫn nhau, trên dưới đảo ngôi mất thứ tự thì tai nạn nảy sinh.

Tiểu (nước) đồng: dịch, nước, đói thảm. Lớn đồng (Đại du) loạn lạc dân nhăm phương xa (Hai vị Du này cùng với 4 thần).

Đất đồng : nước nổi quả đấm (địa ất); Trời đồng: mưa lâm; Phù đồng (Trục phù) là hạn binh (Thiên Ất Trục phù). Phúc đồng: nạn lánh phúc sinh (5 phúc); Quân đồng: lúa 4 mặt thành kém thu (quân cơ); Thần đồng: nước hạn đói bu (Thần cơ) Dân đồng: Khốn khổ cơ đồ tan hoang (Dân cơ).

Thiên Ất

Thiên Ất cướp trộm binh tang. Trời thu sơ xác tuyết sương lạnh lùng (Thiên Ất là Thần Kim, giữ việc binh cách). Đại du đồng: đói loạn tàn.

Tiểu Du đồng trên hấn dưới lạng lộn sòng. (Vùng phận dã này - dưới lạng trên không thể làm gì được). Thần đồng binh giặc kết nên. Đò xe nghẽn lối. Sương chèn tuyết pha (Phận dã này, sương tuyết nước lụt). Phù đồng đói hạn giặc pha. Địa Ất đồng cùng với Thổ Mộc. Người ta bỏ phế việc nông tang, (mà) giao binh, thù kết hại hung dân sâu.

Địa Ất

(Địa Ất) Đất thì bệnh chuyển, tạng đau.

Dân hoang, lúa gặp dịch sâu hoang trùng.

Trộm cắp, nước hạn, thổ công.

Người tai, lúa hại Đất đồng Tôn giao (Trục Phù).

Thần đồng: nước hạn lao đao. Người thì tật khốn, đất đào quái yêu.
 Tiểu Du đồng: bạo ngược theo. Thổ Mộc cùng trộm cướp sinh sôi ra nhiều.
 Đại Du đồng Địa dân lưu đào. Binh tang trộm cướp xông xáo xóm làng.

Trực Phù

Trực Phù hạn lụt sâu hoàng. Dịch lây, lửa phá giặc mang tai về (Trực Phù thuộc lửa).

Sinh Vương gặp Thái Ất có khi, Gió lửa, giặc giã, dân thì chẳng an.
 Cùng Đại Du chẳng lành. Dân phiêu bạt vì giặc, lúa hại đầy tràn lửa tai.
 Thần Đồng trật tự khôn coi. Dịch lây, nước, hạn, đói dài binh qua.

Thủy Kích

Sau bàn Thủy Kích đến nhà. 28 tú chia ra thế nào?

Giác Cang 2 khí không đều:

Lúa sâu, mưa đá, binh kẻo, hạn, nung.

Sao Đê biến khởi ngoài trong:

Xa phòng tôi phản, gần phòng lửa lan.

Sao Phòng làm động quân quyền:

Vua trên tướng, tướng lòng phiền lo âu.

Sao T6am trong có âm mưu:

Thân vương, Thái Tử nạn lưu hoành hành.

Vĩ: Hậu Chúa; Cơ Soái binh

Hoặc khi miện tiếng hoặc đành lưu vong

Đầu: cầu, quan ải không thông.

Đại thần lộc hết muôn chung hết quyền.

Ngưu: hy sinh chết khôn toàn.

Thóc cao gạo kém dân đen đói mèo.

Nữ thì vóc lựa gieo neo,

Thích thân Hoàng Hậu có chiều đổi thay.

(Thủy Kích đến Sao Nữ thì vãi vóc quý, hậu phi có lo).

Tội tha, chính cải, lệnh rầy.

Chư hầu có loạn là bày sao Hư

Nguy: nhiều than thở âm u

Thổ mộc, phần mộ niên dư bệnh nhiều

Thất: tổn lúa, người gian mưu.

Bích: văn chương lửa, giặc kiêu, binh tàn.

Khuê phòng trong chết nghiệt ương.

Lâu: nhiều trộm cướp tuyến đường không thông.

Vị thì lúa chẳng chín trông.
 Mão kia tha lớn lửa hồng sáng soi.
 Tất: sẵn bắn cỡi Di ngoài. Chủ: coi tôi phần, toi loài ngựa trâu.
 Sâm thì cung thất lo âu.
 Lúa phòng mưa đá khí đâu chẳng hòa (âm dương bất hòa).
 Tĩnh: đao thương nước lúa miều.
 Quỷ: dân lưu tán, bệnh, tiêu cháy hành.
 Hậu phi thế đổ quyền khuynh.
 Vải bông đất đỏ che mình khó khăn.
 Liễu: dân đói khổ điêu tàn.
 Tinh: lo lửa cháy, trời làm ra tai.
 Trương thì lễ nghĩa biến rồi.
 Dục thời không hợp mà trời lấm mưa.
 Chấn làm Ngụy lập ngôi vua.
 Gây điều chết chóc lại vừa thở than.

Xích Kỳ

Xem Cờ Đỏ (Xích Kỳ) Khí hại bàn, Hối Thân gốc khởi. Ty sau về Dần. Tứ Mạnh về ngược chuyển luân (Hối Thân Ty Dậu là 4 mạnh chuyển ngược).

Qua Hợi: nước, địch, qua Dần: mộc công.
 Qua Thân nóng lạnh binh hung.
 Qua Ty nắng nỏ vật hung, người tàn.
 Xem Chi còn xét thêm Can.
 5 hành sở thuộc, gian nan như rằng
 Cùng phương tai nạn gia lâm (nơi lâm đến).

Hắc Kỳ

Cờ Đen (Hắc Kỳ) khởi Hợi 3 tuần một đi (1 tuần = 10 năm x 3)
 Ngược qua khắp 12 chi. Ba mươi sáu Kỳ đủ 1 chu thiên.
 Nhỏ 3 niên, Lớn 9 niên.
 Vòng Khảo theo quyền, định tội đối ăn.
 (3 năm khảo nhỏ, 9 năm khảo lớn. Khảo nhỏ đối ít và lớn đối to).
 Lý trời gió thổi mây vờn.
 Lý người bệnh thặng.
 Đất phần nước to (lễ Trời - Người - Đất).
 Đến Dần Mão, đêm tối mò.
 Quyết âm làm bệnh, liệu lo tìm thầy (Trời Trăng mất sáng).
 Gặp Ty Ngọ Bính Đinh nay, nắng, sâu, mưa gió, đắng cay tơ vừng.

Canh – Tân băng tuyết lạnh lùng, trong dân cướp bóc, sống cùng lao đao.

Năm Hợi – Tý nước phun rào. Vật xem đồ vỡ, đói cào chịu thay.

Sửu – Thìn - Vị Tuất năm này. Đất bồi, nông trở đêm ngày tối tăm.

Lâm đâu nơi đấy rồi rằm. 10 Can cũng vậy đòi năm nạn trời.

Thanh Kỳ

Cờ xanh, mỗi tuế mỗi rời. Từ Hợi qua Tý thuận thời chuyển cơ.

Lạ thường hại lúa, nước to. Một chung qua lại một lo đói chờ (12 năm là 1 chung). 4 chung đổi mới, bỏ xưa (48 năm là 4 chung) 9 chung trăm tám năm đưa dâu tàn.

Trăm bốn mươi bốn năm lan. 12 chung tới, ngập tràn binh đao.

Giáp Ất Dần Mão năm nào. Lụt nổi, mưa đá, lúa sao ngóc cùng.

Bính Đinh Tỵ Ngọ lửa nung. Dân nhiễm bệnh tật, lửa bùng cháy tin.

Mậu Kỷ Sửu Vị Tuất Thìn. Công hưng, phú trọng, trung tin, vườn bồi (có thể việc thổ công hưng thịnh, bồi đắp cung vườn, trong trọng thơ phú ngoài điểm trung lương).

Canh Tân Thân Dậu Kim coi,

Tuyết sương, trộm cắp, con người dịch xâm.

Núi sông, nước nổi, mưa dầm.

Cờ xanh Hợi Tý Quý Nhâm một vành.

Can chi ứng chiếu cho mình.

Theo phương lành dữ, đổi kinh tai phiền (gặp đúng phận dã, tai nạn càng nặng).

Tuế hình chiếu rõ như in.

(Tý Sửu tại Đông, Dần Mão tại Nam).

Ngọ Mùi Thân tại Tây, Dậu Tuất Hợi tại Bắc).

Đỏ - xanh cùng hội – chu tuyền nạn khinh.

Ba cờ hội hợp nặng tình.

Mạnh Thần đổi tiết, tai thành đầu niên (Ba cờ hợp, họa càng nặng. 4 mạnh niên, ba niên, 1 lần hoán tiết: Dần Thân Tỵ Hợi là 4 Mạnh Thần).

Hợp Giáp Ất, Xuân nước lên (3 cờ hợp).

Hè hạn, Thu sấm, Đông miền tuyết sương.

Lúa khô, cỏ héo, cây thương.

Người thì dịch lệ, thú nhường bệnh toi.

Bính Đinh nước hạn trái thời.

Lửa thiêu, trộm cắp, tầm còi ruộng khô.

Mậu Kỷ, dầu quý đất thô.

Lúa vừng thì hiếm, người chờ đói ăn.

Canh Tân nước hạn, sương gần.
Thiếu ăn, lúa tổn, cây cần, giặc pha.
Nhâm Quý nước lụt những là.
Muối thiếu gạo kém cá mà khan hung.

(Mọi thứ đều theo Can Chi của Thái Tuế. Đến kỳ đổi Chung, xét niên hội hợp, Can Chi ở đâu. Nếu Can Chi dưới Tuế Hình thì năm bị ương. Hoặc thái quá, hoặc bất cập là tại số ở trước sau số Chung 1 – 2 năm).

Cửu Tinh Văn Xương Huyền Phượng

Văn Xương Huyền Phượng tìm tung.
Minh Duy Âm Đức thượng cùng Chiêu Dao.
Gặp Hoa Minh Huyền Vũ rời coi.
Bát Huyền Minh thứ Cửu Duy Minh.
Ngược xuôi ngang dọc sao trời.
30 năm mới qua ngoài một cung.
Việc cầu tìm cát hay hung.
Sao nào giữ việc trên cung Can trời.
Giáp Ất cảnh thổ lộ thôi.
Quốc dân nhiều bệnh phong tôi lòng đùng.
Bính Đinh hạn lửa tin hung.
Kia lời yêu nghiệt, đây lòng xôn xao.
Canh Tân chết chóc gươm đao.
Đánh nhau, cướp giặc nơi nào tạm yên.
Nhâm Quý mưa bụi liên miên.
Cung Phi, nữ hậu, có phiền kém vui.
Gặp Can Mậu Kỷ thêm xui.
Sâu hoàng, chết chóc, đất vui lắm phen.
Trùng năm tháng hạn nặng thêm.
Hội cung Thái Ất nặng chêm nữa mà.
Phượng: Cách Bách Hiệp Kích lâm vào.
Là phượng tai nặng ngoài ra thì thường.

Cửu Tinh Trục Phù

Chín sao lành dữ tư lường.
Mỗi cung ảnh hưởng một trường 10 niên.
(Tới phận đã xem tai tường, lấy 5 hành Suy Vượng mà quyết).
Giáp đầu 9 sao đứng trên.
Sao nào thuộc, hỏi Can niên trên nhà.

1. Thiên Bồng lục Mậu Kiền pha.
Việc là khuấy động nên ra đổi rời.
2. Ly lục Kỷ Ong (Nhuế) trời.
Nổi lên trộm cướp rồi bời giáp binh.
3. Thiên Xung Cấn lục Canh.
Can qua sát phạt đã đành nhiều phương.
4. Thiên Phụ Tân Chấn hương
Giữ gìn 5 lúa lẫm thương chất đầy.
5. Giữa Thiên Cầm, Nhâm, giết say.
6. Thiên Tâm, Quý, Đoài tay phạt người.
Đạo trong hiệu lệnh thường soi.
7. Khôn trong có cột Trời (Thiên Trụ) sáu Đinh.
8. Thiên Nhâm, Khảm, Bính minh
Phần âm thêm lại mang hình nữ lưu.
9. Thiên Ương, Tốn, Ất chiêu.
Đức Dương gọi Chúa, lời chiêu quân vương.

(Các sao có Thái Nhất nương, Bách Tù Cách Kịch Yểm nươngng Đề Hiệp Tính. Biến tai trong khoảng chuyển vận. Sao nào việc nấy tự tuần chẳng sai. (Như Thiên Ương là Đức Dương, tượng Vua, ví gặp Bách Yểm các biến, thì vua phát tai nạn. Như Thiên Tâm, giữ việc đánh phạt kẻ không đạo, ví gặp Ếm ép các biến thì đẩy quân đánh phạt nước khác).

Thủy Kịch Biến Hóa

Lại xem Thủy Kịch tổ bài. Những năm Giáp Ất hỏi ai dữ lành.
Gỗ đồng: kho đụn tràn tràn (gỗ là Thủy Kịch).
Rợ đông quân khởi thuyền mảnh chạt đông.
Thành Nam biến động Lửa Đồng. Hè không lúa chín, dân vùng bệnh sinh. (Nếu Thái tại dưới Bính Đinh thì thêm hạn hán, hạn lửa, binh mạnh khởi).
Đất đồng nước động đảo doanh (gặp Thái Yểm Bách Cách thì sinh biến, dưới mưu phé trên trong hàng tướng quốc).
Thổ công theo đuổi đắp thành những khi
Kim Thành Thủy Kịch cùng về.
Phương đông binh dấy hoặc thì phương tây.
Thủy: Nước lớn, năm no đầy.
Bắc quân về hợp Đông này cầu thân.
(Rợ Bắc khởi binh, được toán hòa, mùa đông có việc hòa hợp cầu thân).
Năm Bính Đinh, Kịch gỗ Thần (gỗ là Thủy Kịch).

Xuân hè binh khởi, nước lân cầu hòa. (Xuân hè, nước Di khởi binh, nước có người cầu hòa).

Hỏa Thần năm có can qua.

Đói ăn, hạn, dịch dân ta phiền tình.

Kim đồng quý, tội tội hình (bày tội bị diệt).

Quê kim Thủy Kích, giặc hành tây phương (Kim tà Thủy Tích).

Thổ cung hấn khởi phương Đông.

Thủy cư trung đạo uông dương mị thường.

Thủy là Thủy Kích không tường.

Mùa hè binh Bắc dân thường bỏ đi.

Mậu Kỷ Thái Tuế thường khi.

Gỗ là mới Kích (Thủy Kích) Đông vi binh cường.

Lửa, dân đói, hạn, sâu hoàng.

Đất, thổ công, đất động thường núi băng (lở).

Kim, binh tây khởi dương hăng.

Bắc, Di và Địch vẫn hằng giao phong.

Thủy, hè hạn, tuyết sương đông.

Đại thần bị giết, chiến công Bắc tìm (đánh Di phương Bắc).

Canh Tân Tuế Kích Thủy Kim.

Hoặc tây hoặc Bắc dậm nghìn khởi quân.

Thổ thì gạo quý vô ngần.

Mộc, binh đông động dân dân bỏ đi.

Hỏa kia quân chân phương ly. Sắt đồng cao giá, hè thì nở khô.

Nước trong nạn hỏa phát to. Phép nên cầu đảo, hoặc lo diệt trừ.

Ngũ Phúc

Ngũ Phúc thuộc Thổ lưu vùng. Nạn tai tất hết, dân mừng vua yên.

Vua cùng, Vua Phúc thọ niên (nền vua cùng 5 phúc).

Hào sơ nổi dãi. Đối bên giặc thù.

(ở Hào Sơ sinh con nổi dãi, ở Đối Xung sinh vua trộm cướp).

Quân phúc đồng: Trai Dương Châu.

(cùng hội ở cung dương, sinh con trai).

Nhâm Quý Tuế ấy nạn dư

Thổ là Thủy Kích binh từ nội sinh

Kim Thần no đủ, dân bình.

Giặc Tây hiển bảo Mộc: binh, dịch tràn.

(Mộc là Thủy Kích, có tai nạn này binh đông).

Đông sương, thu tuyết lan man. Nam tai hè hạn Kịch làm hỏa sa.

Kịch: Thủy: Tây bắc bình qua.

Mùa đông tuyết đóng rét pha lạnh lòng.

Ngũ Phúc

(Tiếp theo bài Ngũ Phúc) Cung âm cùng phát hiện nhu nữ hoàng.

Dương sinh âm: nữ cương cường.

(cùng ở cung âm, sinh gái Chúa nữ tính cương cường).

Âm sinh dương: nổi trai thường nho nhu.

Cung Dương ví thấy vua đưa.

Đối xung với Phúc nền vua ép chèn.

Có người âm triệt vị hiền.

Là vua giặc cướp tranh quyền cướp ngôi.

Hung thần cùng phúc sánh đôi.

Biến tai ra Phúc xông trời tán tiêu

(giáng tai ở phương Đối Xung).

Thần Đồng Tể Phụ phúc nhiều (thần cơ).

Hào sơ, sinh biết bao nhiêu tướng hiền.

Dân đồng vui nghiệp dân yên.

Trạch vàng đất sỏi tại miền cung giao.

(người hiền sinh ở nhà trắng tức nhà thường dân).

Tứ Đại Tiểu gặp Phúc sao? Dữ lành giảm nửa hư hao chớ lầm.

(Tứ Thân và Đại Tiểu Du đồng ngũ Phúc thì tai hay phúc giảm nửa).

Quân Cơ

Nền Vua trị ba chục năm. Lý Trời, Lý Đất lại thăm Lý Người (Lý trời phương ấy sao lành chiếu, Lý đất sinh sản muôn vật, Lý Người dân giàu có).

Vẽ bày cung quý dâng ngôi.

Vua coi phương lạ tuần chơi đất lành.

(làm may cho tùy phương để thuận lẽ trời).

Phúc đồng Hoa Hạ tú thanh. Ngôi vàng củng cố, 4 thành đẹp vui.

Dân yên, nước lộc, vật tươi. Minh lương Khánh Hội, vua tôi một lòng. (Vua trị nước lấy đạo. Tôi thờ Vua lấy trung).

Tiện khi yên nghiệp tang nông.

Có khi tuần thú, Quân Đồng Dân dương.

Thiên Ất đồng giáng chiếu tường.

Luyện quân chinh phạt những phường chẳng nhân.

Địa đồng: tường thụ ứng nhân. Ra đi đây đó yên dân vỗ về.

(Bỏ xa xỉ, hết việc thổ mộc bồi đắp việc tang nông).

Phù đồng (trực phù) vua trị hướng ly.

Nịnh, Hiền phân biệt, tục hy nho sùng (sáng sửa).

Binh giáp với 4 thần đồng, nên nhờ cảnh phúc tổ tông đảo kỳ (phụng tôn miếu, tế trời đất).

Đại Du đồng, nước tán dân ly, họa tai nước hạn thêm vì dịch binh.

Tiểu Đồng: nữ hậu hoành hành.

Bày tôi mất lễ, âm hành yếm dương.

(2 sao cùng cung, âm ếm dương: có tượng tranh nhau).

Thần Cơ

Nền Tôi thuộc Thổ chất thường

Hình Uy Phù Bật cột rường nhà vua.

Xét xem ba Lý hơn thua.

Lý trời thời tốt lành cho đại thần.

Lý đất, thần phong có phần.

Lý người chiều hướng về thân người hiền.

Là năm kẻ sĩ ra liền.

(dùng tướng hiền, năm lúa thóc tốt, được mùa).

Hoặc năm sách quý có miền tiến dâng.

Hội 5 phúc cả một tầng. Là nơi tế phụng mệnh vâng miếu đường.

Dân đồng năm tiến hiền lương.

Làm cho chính sự cát sượng hòa bình.

Thiên đồng: nào trộm, nào binh.

Có người ngang ngược lộng hành chi ngô (kẻ bày tôi phụ tá).

Dân không luật phép bờ phờ, sinh tại, hạn nước.

Tôn chờ ở trong (Trực Phù và Thần Cơ đồng)

Đất kia hội họp Thần đồng.

Thổ công lăm việc thành chung sức nhiều.

Thần đồng giặc ít vợ nhiều. Đoạt tiền cướp của, dân điều đứng vì.

Đại Du đồng kiện xử oan khi. Dịch binh, nước, hạn đói thì dân đen.

Tiểu Du đồng ép dưới lằng trên.

Vua quan tôi dưới. Hầu liền bị chu.

Dân Cơ

Nền Dân, năm ấy được mùa.

Quân Thần cùng gặp thêm đua phúc lành.

Giàu sang thọ khỏe phong hanh.

Nhà dân thường phát, nổi danh người hiền.
 Lúa đau, dân bệnh sao nên.
 Thổ mộc lăm việc vì xen Địa (Thần) vào.
 Thiên đồng trộm giặc đói sao.
 Tuyết sương giết hại, dân nào được yên.
 Trục cùng bờ cõi hai bên (Trục phù)
 Sâu hoàng, nước hạn, quân quyền nhiều nhường.
 Lớn (du) đồng, binh nước hạn thường.
 Dân siêu nghiệp bỏ tìm đường kiếm ăn.
 Thuế tăng, binh giáp khổ thân.
 Mùa màng thu nửa là phần nhỏ theo. (Nền dân đồng Tiểu Du)

Cửu Cung

Chín cung vận chuyển ra sao.
 Quý Thần Thái Nhất nơi nào cũng may.
 Thái Nhất, Nhiếp Đề, Hiên Viên, Chiêu Dao, Thiên Phù, Thanh Long, Hàm Trì,
 Thái Âm, Thiên Hoàng (Thiên Ất).
 Dựng xuân cung Cấn đã bày.
 Xuân Phân khi ấy gặp ngày Chấn qui.
 Lập hạ Tốn, Hạ chí Ly. Lập thu Khôn đón Đoài thì Trung Thu.
 Lập đông khí đến Kiền khu.
 Đông chí sang Khảm một chu đủ vòng.
 9 Thần Quý trải các cung.
 Theo chân Thái tuế rót dòng Ất sau
 Hội hợp Đối Cách thấy đầu.
 Họa tai thêm nặng, tìm đầu Thần suy.
 Hội hưng ương đến phúc đi.
 Hội lành phúc đến ương thì tiêu tan.
 Phương Hòa Phương Mạnh liên can, Thì ương giảm nửa luân bàn từng cung.
 Phương Thắng lợi việc phạt công. Phương lo cổ thủ vững lòng ba quân.

Thái Nhất

Thái Nhất, sông tắc, nước dâng. Mưa dầm tai hại, lúa vùng tổn hao.
 Đại Du và 4 thần vào. Khí trời độc địa, dân nào bệnh hung.
 Đại vào Kiền bồn thổ công.
 Băng sương khí lạnh, nước đông hại người.
 Yêu trùng, tuyết đóng, mưa rơi.
 Nước sông đầy rẫy gặp nơi Khảm thần.

Cần thủy thổ làm bệnh dân. Chấn làm lúa bị nạn dần trùng gai.
 (sương rơi nước hạn không kỳ lúa bị trùng gai làm hại).
 Tốn tôi chuyên mệnh quyền cai.
 Mưa nhiều lúa hại, lại cài thổ công.
 Ly sưa thể nặng chấp chồng.
 Sét rền đánh vật nổ nông cháy khô.
 Khôn binh dùng ít nước to.
 Đoàn can qua phát đánh dân tình.
 Nước dâng công tác linh đình.
 Sửu Vị tháng nặng, sự tình Lớn vương.

Nhiếp Đề

Nhiếp Đề lạnh lẽo gió sương. Vật tai lúa hại, bệnh thương ôn tì.
 Người lo phù thũng 4 chi. Mặt thêm vàng vọt, da bì sưng sưng.
 Du thần hội: tả lị từng. Lửa tai, nước hạn, binh hưng làm càn.
 Thái đồng Khôn Chấn Đoàn Kiên.
 Dân suy, lúa quý, viêm hàm lẩm khi.
 Cung trung Tốn Cấn Khảm Ly
 Lạnh lòng chết vật, dân thì dịch ương.

Hiên Viên

Hiên Viên liêu lý tìm phương. Tốt tươi muôn vật, gió nhường gỗ ra (gặp Thần Lành thì khí trời ấm áp hòa hài, cỏ cây xanh tốt năm lúa thu bội).

4 thần Đại Du đồng qua. Dân lo nóng lạnh lúa sa sót nhiều.
 Sấm trời sét vật tiêu điều. Lại thêm trộm cắp có điều khôn ngăn.
 9 cung chuyển 4 mùa luân. Sấm ran sét nổ thêm phần gió to.

Chiêu Dao

Chiêu Dao gỗ Tốn từng đưa, gió lay cây đổ lúa mùa hồng thu.
 4 thần, Đại Du cùng khu. Sâu pha lúa gỗ, dân xơ xác tàn.
 Chết lẫn bạo bệnh từng cơn.
 Trẻ con sài đẹn thương đơn kếp chồng.
 Địa dư chấn động núi sông.
 Dao binh nước hạn, dân không an toàn.
 9 cung sao Chiêu Dao đến làn.

Tháng ngày nhiều gió, mưa tràn tối tăm (ở Tốn gió làm vật cháy chín. Cần gió mưa liên liên, Ly gió hạn khô vật. Chấn sấm mưa ra tai).

Thiên Phù

Thiên Phù 4 thần lớn lâm (4 thần Đồng Du lớn)

Bụi Trần 4 mặt, dân làm thuế cao.
Thổ công nước lửa binh đao.
Cấy cấy ép uống chờ lao sâu hoàng.
Khảm vào, dân bệnh, sông toang.
Sương ngưng chết vật vì ngang Cấn Đoài.
Kiềm rét cồng Ly hạn tai.
Tổn khô, mưa đá lúa vùi sấm ran (thêm bọn thổ công).
Cung trung quốc sắc hương tàn. Tháng Sửu Mùi hại về khí âm.
Chấn tổn lúa hạn sương âm.
Thêm mưa, sâu lúa lại cắn dịch hành.
Khôn thì cháy lúa, nắng hanh.
Mưa thừa người bệnh công trình đắp xây.

Thanh Long

Thanh Long lạnh lẽo sương dày.
Bốn phương bụi trắng vật sầy binh theo.
Thần hung hội hợp cùng neo.
(Đại Du, Tiểu Du, 4 thần là Thần hung).
Mệt quân hạn cháy dân siêu dịch hành. Vào Ly nước lụt thêm binh.
Vào Trung, tháng cuối, đối rình, rét trao.
Các cung khác có Rồng vào.
Vận trời lạnh buốt, thêm gào gió sương.

Hàm Trì

Hàm Trì năm lúa cháy thương
Dân tàn, giặc cướp nước thường dâng xa.
Người thì bệnh tật khôn qua
Núi long cây lở bệnh là trúng phong.
Thần Du Thái Ất trùng phùng.
Gió tây mằn mặn, quái trùng yêu ma.
9 cung sao đến đâu là. Bốn mùa đắp đổi đều pha sương hàn.

Thái Âm

Thái Âm tính khí đa đoan. Trời trăng mờ mịt vắng tàn mấy sao.
Thần Du yêu ác cùng vào.
Đàn bà giữ chính, Thần cao chuyên quyền.
Xây dinh cất viện dân phiền.
Gió mưa trái thuở miền miền lúa thương.

9 cung Thái Âm tới mở đường.
Mây xanh nhiều, tạnh ít sương lạnh hòa.

Thiên Ất

Thiên Ất khí liệt hạn da. Chướng ôn nóng uất người đà hại đau.
Sâu bay bại lúa người mau.
Gươm đao khói lửa, gặp màu Thần Du (Đại Tiểu Du, 4 thân).
Khảm vào là triệu thuế thu.
Người không yên ổn lửa vù nóng nung.
Các cung khác lửa nóng cùng.
Triệu càn khô nóng yêu trùng ló chân.

Đại Chủ

Đại Chủ ngôi tướng đại thần.
Công Khanh, Tư Mã về phần quan cao.
Lớn vào thoán sát nhiều tao.
Ví bằng dương tuyệt nạn vào thế vua. (Đại Tướng thoát nghịch).
4 – 9 – 2 – 7 cung đua. Nạn vào tể tướng, tá thừa việc khinh.
Ví ngôi Thương Đổ Tử Kinh.
Trụ Bồng Nhuế Ương có tình hại nhau (làm Đại Tướng chết).
Đại Khách, Thủy Kích cùng tàu, Khách kia chắc chết có màu bi ai.
Bính Đình dưới, ví cùng vì
(Đại chủ, Đại khách, với Thủy Kích tính tù (chấn giam) ở dưới Bính Đình).
Đại Tướng chủ bi, khôn nghề lánh qua.
Cấn vào Đại Chủ nhần nha.
Thiếp yêu trong trướng ngấm ra chuyên quyền.
Đối Thái cung vua tôi cách chiến,
Bách Thái Gián thần tìm miền đối vua.
Tham chủ
Chủ tham nơi ấy nước to
Khách tham vào động can qua ải ngoài.
Tuế Kể với Cả (Thái) cùng vai.
Đại thần mất lễ, Hậu cài âm mưu.
Cùng Văn Đại Tướng 1 chiều
Giáp ngoài quan ải dõ điều mạnh hơn.
Ví mà đất tuyệt chết chôn. Cửa hung, tướng dữ và đồn Canh Tân.
Ra quân hại đến ba quân, Tham chủ phải chết, đáng lân tiếc tình.

Đại khách

Đại khách thuộc Thủy Thìn tinh

Là bậc đại tướng oai hình quân sư

Hoặc đồng 3 – 7 Thái cư (cung 3, cung 7)

Hoặc đồng Chủ Đại Tiểu chờ 1 cung

Hoặc cùng ngôi với Tâm Phòng.

Gặp nhau nơi ấy đều dòng sét lao. 1 – 8 gặp, nước tràn dào. 6 – 7 quân khởi về trào Tây Nam. Để (dẫn) Thiên Mục Tướng Tham. (Khách Đại và Thiên Mục đồng cung gọi là Đề dẫn) Bầy tôi ngoài nước mưu toan hai lòng. Tính (chặn) Khách Chủ Đại lưu đồng.

Thái Tinh phù trợ ai nhĩ mà hồng cả hai.

Kẻ Thần Khách Đại đồng bài.

Triệu mưu thoán giết, tôi cai chuyên quyền.

Ví theo Thái Nhất hậu tiền: Bầy tôi áp lấn quyền trên triệu này

Ví mà Thần Gián nơi đây. Nước ngoài khẩn khoản thường ngày ngóng trông.

Khách Tham Tướng

Khách Tham Tướng ví cầu mong

Thóc lúa chín ít vì giông gió nhiều

Hoặc Tù Bách Hiệp đủ điều

Hoặc ngồi dưới Ất hoặc triều Canh Tân

Cửa hung tướng ác cùng sân.

Đều là chẳng lợi tướng quân nên phòng.

Khách Tham, Chủ Tham ví cùng.

Biên không giặc giã tranh hùng không đoan.

Cùng Đại Tiểu tương Tính (chặn) nhau.

Suy nghiên Sinh Vượng mới mong thắng trở về.

Văn Xương

Văn Xương phù thượng tướng ngôi.

Nắm điều lành dữ chuyên đời dở hay

Đến đâu đấy phát trung nay.

Tính Tù Kiền Một tướng này mưu đương.

(Văn Xương hoặc Tính Tù ở Kiền 1 cung, hoặc bị Bách Kích thử tôi dưới mưu hiệp Vua).

Ví cùng Di Tuyệt những phương

Tiểu Du Vượng Tướng tội vương hạ thần.

(Văn Xương cùng Thái Nhất ở cung 1 – 9 – 2 – 6 – 4 – 8, Thái Nhất gặp Vượng Tướng thì Vua giết tôi dưới).

Lưu hành hai Thái, 8 Văn – Văn 3 Thái 1 nạn thuần đến vua.
9 Văn, 1 Thái cùng đưa, 4 Văn, 6 Thái nạn xưa tướng thần.
Cửa hung tướng dữ Canh Tân.
Trung cung sai trọng, đối vắn nạn khinh.
Ở trước sau Thái, Bách rình. Bày tôi nội gián đồng tình âm mưu.

Thủy Kích

Thủy Kích binh lửa tang ưu. Hồng Lô Tư mã thêm diu Tư Không.
Vào đâu: nước, hạn, hoang, hung.
Dịch tai, binh lửa. Đối cung cũng đồng.
Tính còn ghét Thất, Tâm Phòng (Thủy Kích phạm 3 sao ấy).
Việc sinh thoán đạt, vì cùng Thái neo.
Thái mà tả hữu Kích theo.
Bách Phế thua chạy, vua sù tướng lo (vua tướng đều kiêng).
Văn Kích 2 vị đồng đồ,
Vượng Sinh thì thắng mưu mô chẳng đồng.
Ếm Đại Chủ, phế tù đồng. Lợi chi công phạt mà mong chế người.
Cốt xem Toán hóa, xét đoản trường.
Hưu Tù Vượng Tướng phân lường ở trong.
Họa xâm Tuế Kê Tính phùng.
Vua ngồi hư vị mà dùng tướng quân.

Xung Đối

Chủ Văn Đại Tiểu Thái Xung
(Văn Xương, Chủ Đại Tiểu Tướng đối Thái Ất).
Đều gọi là Đối, tôi lòng họa tai.
Bạc trên đuổi bó lương tài
Lại quan gian trá, Dưới bài đối vua.

Cách

Đại Tiểu Khách, Kích Ất thừa,
Điều trong bí mật lại vừa binh hung.
Dưới trên Cách biệt lao lung
Đổi thay chính sự Tôi trong khinh nhờn (khinh mạn trộm Vua).
Ngoại Di giỏi ngạo, mằm lờn. Phép vua chính sự chẳng hơn lợi gì.
Tuế mà Cách, ấy hung nguy. Lo thua vì toán hòa duy chẳng hòa.

Đề Hiệp

Trước cung Thần, 2 gọi là Đề

Sau cung Thần, 2 gọi là Đề Hiệp chính danh.
 Kích tinh hiệp Văn Xương : chết đến nhanh
 Văn, Thái, Thủy, Hiệp ở Chủ khách, thì Khách đành phần hung.
 Nhị, Tứ Thái Chủ Khách hoặc phùng.
 Hiệp vào Thái Ất tướng vong mang liền.
 (Toán bất hòa thì họa đến)
 Cửa đủ Tướng phát mưu đương thành.
 Thủy Văn Mục và cả Tứ Tướng bị Hiệp là hai tướng mưu mô.
 1 Mục, 1 Tướng Hiệp lưu là Hiệp Bại phải lo âu.
 Chủ khách Ất Kích Văn chen, là cùng mưu đuổi giết tên bất thần.
 1 – 4 Thái Nhất cùng trần, hoặc là Hiệp Ất dưới thần giết vua.
 Toán không hòa chịu nạn thừa.
 Cửa đủ tướng phát mưu đưa được thành.
 Kích Văn, Mất 4 tướng ganh,
 Hiệp nhau 2 phía mưu đành hại nhau.
 Một Mục một tướng cấp cầu. Gọi là Hiệp bại thua đau hãn rồi.
 Từ 1 đến 4 cung coi. Chủ tuy Đề Hiệp mà rồi chiến công.
 Từ 9 đến 6 các cung, Khách tuy Đề Hiệp mà dùng chiến chinh.
 Hiệp vào Tù Tử dưới thành, Những nơi khí tuyệt binh hành xấu thay (Chủ Khách dùng binh đều hung).

Tướng Kích Hiệp Văn Khách hay (Thủy Kích hiệp Văn Xương về sau Khách thắng) Hiệp Ất sau bại, trước này lo âu.

Tướng, Văn Hiệp Kích, Khách rầu (Bại văn, đại, tiểu tướng chủ sự Hiệp Thủy Kích thì Khách lưu vong). Chủ mà tù bách Khách sầu tương nguy.

Tứ Quách bền

Tứ Quách cổ (bền) Văn Tù, Thái nhất suy, Soái Tướng chặn (tính) lẫn chẳng đi cung nào (Thủy Kích cùng cung Thái Nhất. Đại Tiểu Tướng chặn (tính) nhau, Văn Xương Thái Nhất đại tướng chủ chặn nhau gọi gom là 4 quách cổ (bền). Phàm mọi việc thành công sao? Kể tuế gặp tiếm giết binh đao nghiên phòng.

Đóng Mãi

Tham Khách với Thiên Mục đồng, Tham Chủ Địa Mục 1 cung chuyển vần. Văn thêm tù bách Yếm tính (ngăn) Đề là Đồ Cổ gian truân với cùng.

Đề Chấp

Thái, Khai, Sinh Hạp và Xung.
 Gọi là Đề chấp nghĩa vòng đã suy.
 Trực Sự, gặp Sinh Khai vì.
 Mà cung Thái Nhất chẳng hề hạp xung.

Hợp tuy gặp cửa Cát trong.
 Tướng ngồi Đồ Tử cửa đồng Đối sang.
 Gặp năm như thế hung càng.
 Làm gì cũng xấu chớ màng đưa quân.

Thời Đắc lệnh: Vượng tướng

Năm gì, năm tướng chuyển vận (Đông Tây Nam Bắc giữa).
 Bốn mùa được lệnh xét tuần giờ hay.
 Khi mà Vượng Tướng Sinh nay,
 Phải khi khí chết điềm này thua quân (Sinh thì được - Tử thì thua).

Ví như ba tháng Thu lân, Được Phương Tây Dậu, giữ phần tiếp công. Gặp
 Phương khi chết Mão Đông, Quân tan thua lớn, lệ trong dữ lành.

Đóng trại yên doanh

Tướng quân đóng trại an doanh
 Được yên phép phải xây quanh dư đồ
 Kích không Yển gặp Kích lo,
 Văn Xương Đối Bách Tính Tù trở không
 Tuyên dương nhị Mục ngoài vòng
 Cửa đủ, Tướng Mạnh: doanh trong yên lành
 Cửa hiên đặt dựng đi quanh.
 Lại qua đường lối đủ thanh đồn nhà.

Đánh thành cướp đất

Ba cửa Cát, dẫn quân qua,
 Đánh thành cướp đất phải qua 2 trù (3 cửa lành: Hưu Sinh Khai).
 Trù là con toán, như toán được 22, 32 các số ấy, 2 thuộc cung Ngọ (Nói rằng
 văn minh chế tạo qua giáp, được khí chính để trừ loạn).
 6 – 7 toán khách chủ thu. Trận vương cờ trắng làm cờ chỉ huy.
 Toán trong 1 – 8 mà suy, Trận cong cờ sắc đen sì hiệu Canh.
 Toán 3 trận thắng cờ xanh. 2 – 5 tròn trận mà phanh cờ vàng.
 4 – 9 cờ đỏ nghênh ngang. Ra quân nhìn toán Kích đằng tựa lưng.
 Ví như được 1 toán dùng. Dẫn quân chạy lại mà công mặt Kiền.
 Phục quân Thái Yểm Bách trên (phương có Thái Nhất).
 Quân Kỳ dự chiến chớ nền Kích Văn.
 (Phương có Thủy Kích Văn Xương).

Kỳ Phá Địch

Lã Thân trên dưới khỏi quân.
 (Lã Thân đặt trên năm địch khởi quân).

Xem ngôi Thần Đại mà lần phá đi

(Xem Đại Thần lâm đầu, đây là năm phá địch).

Như địch khởi Tính Mộ Kỳ. Năm nay phá được, suy đi tháng ngày. (Như năm địch khởi là Giáp Tý. Lấy Lã Thân trên Tý, Đại Thần sẽ trên Mão, thì năm Mão có thể phá địch. Lại đem Lã Thân trên Mão, Đại Thần tới Ngọ thì tháng Ngọ phá được. Lại lấy Lã Thân trên Ngọ, Đại Thần tới Dậu thì ngày Dậu phá được. Lại lấy Lã Thân trên Dậu, Đại Thần tới Tý thì giờ Tý địch tan)

Ví thần vào 4 góc nay. (Lã Thân trên năm địch khởi, mà Đại Thần tới Kiền Khôn Cấn Tốn) Nhớ rằng 18 năm vay địch tàn.

Vị Thần gặp Vượng Tướng bàn, Tiến quân không lợi, nên hoàn quân thôi (Như địch khởi quân năm Giáp Tuất, Tiến quân không lợi, nên hoàn quân thôi. (Như địch khởi quân năm Giáp Tuất. Lấy Lã Thân trên Tuất. Đại Thần tới Sửu, Sửu thuộc góc Đông Bắc thì 18 năm sau, đến năm Tân Mão là kỳ phá địch.

Ví không đợi thời mà tiến binh thì không đuổi được, mà quân ta phải về không). Lã Thân trên 2 Đại rồi (Đại chủ, Đại Khách) Đưa hết sĩ lại công coi thể cường.

Ví thần gặp Vượng Tướng, nhường, Ví Hưu Tù Tử Mộ phương: bại tàn (Như cục 1 Đại Tướng chủ tới 7. Đại tướng khách tới 3. Trước lấy Lã Thân trên 7 thì Đại Thần tới 1 Kiền Kim. Đại Thần là Lửa, Lửa đuổi Kim là khí Tù Tử. Lâm trận giao phong thì Chủ bại lớn. Lại lấy Lã Thân trên Đại Tướng Khách cung 3. Đại thần tới Tốn mộc. Mộc sinh lửa là Thần được khí Vượng. Bên Khách thắng lợi).

Đối trận muốn công trước

Hai bên doanh trại đều an.

Muốn đưa quân trước mà san trại người

Tìm ngày địch hạ doanh coi.

Lã Thân trên Thái Nhất rồi lưu đi.

Thần vào Tù Tử Mộ Suy.

Doanh kia không vững, mau thì tấn công.

Thần vào Vượng Tướng cung trung Doanh kia chứa thể sớm cùng tranh hơi (Ví như cục 7, ngày Canh Ngọ, địch hạ doanh. Thái Nhất ở cung 3. Lấy Lã Thân trên cung 3 thì Thần Lớn tới 9 Tốn Mộc. Mộc sinh Hỏa, Đại Thần gặp khí Tướng, doanh này không công nổi).

Dương oai

Dương oai tìm 4 tướng coi

Lã Thần trên Thái mà soi cho tường (Thái Nhất Cung).

Theo Thần đi đến từng phương.

Đuổi thì phải chết, tìm đường tháo lui.

(Thấy cung Đại Thần tới đuổi Đại Tiểu Tướng Chủ tới. Đuổi tướng nào tướng ấy chết. Đuổi Đại Tướng Khách cũng vậy. Nếu không thể thì là tượng thua thiệt chạy trốn).

Ba quân chia ngọt xẻ bùi.

Hoặc vào khí tướng hoặc ngồi Vượng cung.

Ra quân xem hạ doanh trại xong.
 Lã Thần trên Nhất Thần vòng nơi nao.
 (Lấy Lã Thần trên Nhất cả, xem Đại Thần tới cung nào).

Thế Quân

Cùng 2 Đại, sinh tướng đỡ sao. Ra quân Vượng Tướng thế nào cũng hay (Hai Đại chủ khách ở nơi Vượng Tướng, ra quân tốt).

Gặp thời Tù Tử Mộ đây. Những nơi không Khí chớ bày quân ra.
 Tướng người Hình Khắc những là, Tướng ta gặp phải thành ta nguy đời.
 Khắc cung tiểu tướng than ôi !
 Tiểu tướng phải chết, điềm trời chẳng sai.

(Ví như hồi 22, ngày Ất Dậu, Thái Nhất tới cung 9. Lấy Lã Thân trên 9 thì Đại Thần tới 7 Khôn thuộc thổ. Chủ Đại Tướng tới 6. Dậu Kim. Thổ sinh Kim. Ra quân chủ thắng. Đại khách tại cung 3. Cấn thuộc Thổ, cùng Đại Thần cùng loài là khí Vượng. Khách ra quân cũng tốt. Khối này chủ khách đều lợi trong việc ra quân).

Xuất chiến

Đem quân ra chiến khôn tài.
 Địch quân vừa khởi, ghi coi giờ ngày.
 Lã trên Thái, xem dưới ngay (Lã Thân trên cung Thái Nhất xem Đại Thần tới đầu). Quân kia Vượng Tướng là tay cao cường.
 Dưới kia còn có phục tàng. Ta nên phòng thủ, tìm phương dự cần.
 Quân kia hựu tù một tử lần. Phục mà đối địch điều tàn mấy nay.
 Quân ta Vượng Tướng cung này. Cũng nên đặt phục quanh đây đợi người.
 (Ví như cục 28 ngày Tân Mão, Thái nhất cung 2, Đại tướng chủ cung 4. Đại tướng khách cung 9. Lấy Lã thân trên 2, Đại Thần tới 6 Dậu Kim Đại Tướng Khách tới Tồn Mộc. Kim khắc Mộc, Khách gặp khí tù tử thì bên kia không có quân phục, tự thua, không làm gì được).

Thời kể xem động tĩnh

Thời kể địch động tĩnh coi
 Khách vào cửa đóng (đổ) địch ngồi chịu yên.
 Toán hòa, Tướng phát, cửa nên (3 cửa lành: Phi)
 Kích Cánh Ếm Hiệp bốn miền cũng không.
 Chủ khách trước Thái hội đồng.
 Điều lành nghe nói, địch mong về hàng.
 Không làm giặc cướp nhiễu nhương.
 Ví bằng trái thế, giặc cường chẳng lai.

(Ví như cục 25 giờ Ất Mão, Thái Nhất ở cung 8. Chủ mục ở Kiền. Khách Mục ở Dậu, Đại Khách ở cung 7, toán bình không phát. Tham khách ở cung 1, tất cả đều hội ở khu trước Thái, thì địch không lại hàng mà sau làm giặc cướp).

Xem người thực hư

Liệu coi hư thực bên người.

Duy thời Thần Thái Nhất cung Phi mà coi cho rành.

Cung Thái Khắc Thủy Kịch đã đành.

Hoặc khắc Khách Đại tình hình thực y.

(Thái Khắc chế 2 cung ấy, sứ địch đều thực cả).

Thái Nhất viên, Thủy Kịch hình, Khách chế thì, sứ địch nói dối cung nhì mà nên.

2 cung khắc Thái Nhất là họ nói dối không tin được.

Ví như khối Dương cục 25, giờ Mậu Tí, Thái Nhất ở Kiền Kim, Thủy Kịch ở Hối Đại Nghĩa, Khách Đại ở cung 4 Chấn Mộc, tức là Kim khắc Mộc, lời nói có thể tin được.

Xem địch có không đến

Nhòm xem địch có không, trên, Thái, Xung làm giới chia nền ngoài trong (lấy cung Thái Nhất và cung Đối xung làm giới hạn, chia trong ngoài nông sâu. Như Thái Nhất ở 1 thì cung 6, 7, 2 là đất ngoài đất trước, 6 lấy trong là gần, lấy ngoài là xa. Cung 8, 3, 4, 9 là đất trong, đất sau, 8 lấy trong là gần, lấy ngoài là xa. Gần là đã vào cảnh giới, xa là kỳ tướng đang phát. Chia riêng sâu nông mà rõ, 4 Kể đều theo lệ này).

Khách mục, hai tướng ngoài cung.

Định vào trong cõi vượt vòng ròm nom.

Khách Văn cùng hội một chòm

(Văn Xương ở ngoài, Đại khách lại tới cung).

Gian tà lén lút vào nhòm thành ta.

Bình địch nhiều ít

Bình người tứ xứ nào qua?

Ít nhiều Giờ Kể (Thần kể) tính mà được hay.

Cần xem Khách Mục đâu đây, ở dương thì địch có, mà ở Âm thì không có 1 tên, Khách 16 Âm trở lên.

Âm dương hòa, Tướng binh trên số nhiều.

15 trở xuống toán điều chẳng gay.

Tả theo Đông, hữu theo Tây.

Trước Nam, sau Bắc, góc nay toán đồng.

Ví mà khách toán 5 trong, gọi là cửa Đổ sau cùng chẳng lai.

Xem Mắt trời công trận

Thiên Mục xem xét ngắn dài.

Trên 12 số hòa hài nên sâu.

Toán được 12 trở lên là dài, lợi chiến vào sâu.

Toán từ 11 trở về sau (11 toán ngắn, không nên vào sâu).

Chiến nên ngoài, gấp chớ cầu ruỗi rong. (Như năm Đường Trinh Quán thứ 4, Canh Dần, khối 27, Thái Ất ở cung 1, Văn Xương ở cung 3. Chủ toán 31, Đại Tướng Chủ ở 1, Khách toán 28, Khách Đại tướng ở 8. Năm nay, toán dài, Thế Tích Phá Đột Quyết ở Bạch đạo, Lý Tính phá Hiệp Lợi ở Dương Sơn. Đó, nghiệm điều toán khách lợi vào sâu).

Thiên Mục xem rõ cung ngoài hay trong.

Từ Thìn vòng ngược về cung Hợi Kiền.

Bên trong, động việc mà yên.

Văn Thù (Thẻ, Văn) đi lại khoảng miền trong thôi.

Từ Tốn đến Tuất, bên ngoài, việc ngoài tất đẹp, ngoài Bài Văn treo.

Văn trong, trong đánh ngoài, theo. Đánh trong mà được, Văn neo ngoài mà. (Ví như Đường Đức Hoàng Tông năm Chí Đức thứ 2, Đinh Dậu, cục 10, (11) Thái Nhất ở 4, Văn Xương ở Dần. Năm ấy, tháng 9, Vương Thúc Tử Nghi đem quân phương bắc (sóc phương) thu phục Tây kinh. Khánh Tự chạy về Hà Bắc. Đó là nghiệm Thiên Mục ở trong, lợi công bên ngoài).

Thái Ất trợ chủ trợ khách

4 – 3 – 8 – 1 Thái ra. Cung Dương trong Cảnh, lợi là chủ nhân.

9 – 2 – 7 – 6 Thái luân, Cung Âm, ngoài cảnh trợ lân khách ngoài.

Những khi chinh phạt trợ ai? Môn Đủ, Tướng Phát là vai vạn toàn.

(khi trợ chủ, chủ nói ra quân công ngoài. Khi trợ khách, khách cũng vậy. Cửa đủ, tướng phát, nắm phần thắng vạn toàn).

Xét toán trợ chủ khách

Ví xem chủ khách mà bàn, cửa thì không đủ, tướng còn Tù Tính (chẳng phá) 1 – 3 – 7 – 9 dương đơn. 20, 40 là Âm Cô. Chủ mà gặp thế nên lo, án binh phòng thủ, trận đồ mặc ai.

Âm đơn: 4 – 6 – 8 – 2. Dương cô: 10 với 30 ấy đường Khách thì dịch khí tai ương. Dấy chẳng binh lợi, phục tàng khỏi lo.

Xét toán cát hung

Âm đơn cô – Dương đơn cô. Dương chờn nạn lửa, âm lo nước tràn. Tuế kể gặp phải mưu toan, vua nên tu đức cho tan tai trời.

(Đường Chiêu Hoàng, năm Quang Hoa thứ 2, Canh Thân, cục 9, Thái Nhất ở cung 3. Toán được số đơn 3. Năm ấy tháng 11, bọn Lý Thuật, Vương Ngạn Phạm âm mưu việc phế lập. Lúc Chiêu Hoàng sẵn trong vườn say về. Tay giết nhiều lính thị vệ ở Hoàng Môn. Bọn Lý Thuật, Ngạn Phạm giả chiếu lệnh của U Vương ở viện Thiếu Âm, Đó, ứng vào điềm hung của Đơn Âm).

Thái Ất trợ chủ khách

Thiên Mục từ cung Âm đến nơi: được 39 thẻ coi Dương Thuần (Văn Xương ở 2 – 7 – 6 – 1 – cung Âm, toán được 33 – 39 thuần Dương).

Cung Dương, Thiên Mục giữ phần, toán 22 – 26 là thuần Âm đây.

(Văn Xương ở 8 – 3 – 9 – 4 cung Dương, toán được thuần Âm 22 – 26).

Đều là triệu xấu phen này, thuận Âm thì lại càng rầy rà hơn.

Vua hại Tướng, thuận dương cơ. Thuận Âm cơ có, hại đơn kép chồng.

Thuận Dương, vua bạo ngược nông, Thuận Âm, Tôi vốn thường hồng khoe khoa. Trù (thẻ) tùy nhiều ít chẳng mà, Âm hòa chính đức. Dương hòa chính trong. (Gặp năm toán hòa, Dương lợi nhiều cho khách, âm lợi nhiều cho chủ).

Văn Xương cát hung

Văn trong Dương, Âm tạp trùng 2, 4; 3 (24 – 28) linh trong toán này (Văn Xương ở 8 – 3 – 4 – 9 cung dương, toán được âm tạp 24 – 28) Thiên Mục lưu trong khoảng âm này, toán dương trùng tạp, số rầy bao nơi: 3, 9, 1, 7 thêm 10 đều là những việc trong ngoài mưu mô (Văn Xương ở 8, 3, 4, 9 cung Dương, toán được dương trùng tạp 13, 19, 31, 37).

Xem nhi mục đến đâu mà. Toán nhiều hay ít, chỉ hòa quý hơn (nhi mục toán đã hay quả, lấy hòa là quý) Kỹ xem trong có mưu luận, khoảng âm có Thiên Mục khuôn mới lành. Trong Âm trùng Dương toán thành, 11 – 17 thẻ linh được dùng (Văn Xương ở 2, 7, 6, 1 cung âm, toán được trong âm có trùng dương tất có trong mưu) Hoặc là ngoài có mưu trùng Thiên Mục tại chảy trôi vùng của âm (tức các cung 2 – 7 – 1 – 6). Trong dương trùng âm toán lâm, 4 – 4 – 8 – 8 đi tầm toán suy (tức 44 và 88) Toán hòa, mưu mẹo thành khi. Chẳng hòa, tai vạ lưu ly đến liền. 1 – 7 số lẻ luân phiên. Đất âm mà phối, lại miền tạp dương (số này tự đến là trong âm trung trùng dương như số 11 – 17). 4 – 8 số chẵn (ngẫu số) đơn tương. Đất dương trôi đến, số thường tạp âm (số này tự đến là trong dương (có) trùng âm như số 44, 88). Âm Dương mà số tạp xâm, khí trời sai lệch, mưa dầm lấm khi.

Ngẫu số 2 – 6 Tham Kể. Đất Âm phối cư tức là Thuận Âm (số 26, 22 là thuận Âm, số này tự đến làm Âm).

Cơ số 9 – 3 (kỳ số) dương lâm. Làm Thuận Dương số tương tầm đại hung (Số này tự đến là Dương 39 – 33 là toán Thuận Dương).

Toán hóa không hòa

Nhi Mục (hai mắt) ở tại Chính cung Dương (Chính cung là chính cung bát quái phương vị) ở ngôi Gián Thần cũng là Âm Duy (góc âm) (Gián Thần tức Chi Thần) Âm được Ngẫu, Dương nói: Cơ (kỳ). Âm Dương trùng số đều ra Bất Hòa. Âm Cơ, Dương Ngẫu toán gia. Âm Dương tương trực (cùng gặp) Toán hòa Tương tham.

Nhi mục được 1 – 3 – 7 – 9 (11 – 13 – 17 – 19 – 31 – 33 – 37 – 39 thuộc số Dương. Tự tới gọi là Trùng Dương).

Dương Trùng dương số hợp làm Trùng Dương, 2 – 4 – 6 – 8 – 10 tương 22 – 24 – 26 – 28 là số âm, tự tới gọi là Trùng Âm) Âm trong Âm đóng gọi thường Trùng Âm. Vì tự tới mà số bất hòa. Tại toán học mà Thần lệch cũng xâm vào thì chẳng hòa. Âm Dương tốt đủ, vui nhà. Tai sinh nạn nở tại chẳng có hòa toán mà thôi.

Toán thành lành dữ

Toán thành lành dữ xét coi.

Thiếu 10, chống Tướng thiệt thời lo âu.

Thiếu 5, lại sĩ lo sầu, phó tướng không lợi, đứng cầu hưng sự.

Ví dụ thiếu 1 kia ư, chiến tranh, sĩ tốt ngắc ngư thiết thòi (không 10 là không có tướng, ra quân không lợi cho thống tướng. Không 5 là không sĩ lại, ra quân không lợi cho phó tướng. Không một là không sĩ tốt, ra quân không lợi cho sĩ tốt).

Toán trong năm

Tuế mà toán 1 đơn coi.

Không đầy 10 vị, Không Trời gọi tên.

Tính Tù Bách Cách những năm.

Thêm Di tuyệt, Lý Trời nên những hình.

5 thì tai biến chẳng khinh. Vua và tể tướng quyền hành ngang đôi.

Đầy 10 mà thiếu 5 ngôi, gọi là Không Đất toán coi thẻ này.

Gặp khi Lý Đất thu đây. Tuyệt Di Ếm Bách Tính Tù : mọi hung

Những khi đất biến tai chồng (hoặc đất rung núi lở, sông cạn nước dâng, sâu lúa nạn trời, dân gian đói kém, ăn thịt lẫn nhau).

Ứng vào chức vị Tư Không hạng này.

Toán 10 không 1 đơn này, số Người Không có, năm nay Lý Người. Nhưng Di cướp bóc tới bờ, dịch đau, lời gở, người đời hại nhau. Phải nên tu đức đảo cầu, ứng vào dân dưới quan hầu đại phu.

Toán 10, 6 đến 9 dư. Thẻ này đầy đủ trọn chu 3 tài. Tính Tù Bách Cách không bài. Hợp Đề Yếm Đối niên cài cũng không. Điềm lành trong nước ứng mong. Tứ dân yên nghiệp phú phong đủ vừa.

Toán 5 âm

1 – 2 cung Trời ngôi vua. Toán hòa, khí cũng cùng đưa được hòa. Coi niên Tính Bách không gia Nạn tiêu trời đẹp, vua ta cát tường (Vua được nhiều phúc khánh. Trái thế thì nhiều tai họa).

4 – 3 toán (thuộc) Lửa Chủy nhường – Nói về tôn miếu tai tường ra sao. Toán hòa Thần hiệu tôn cao, không hòa Bách Kịch hư hao miếu đường.

5 – 6 (toán) - Nước – Vũ – toán thường - ứng vào con cháu, không đương với nhà. Tính Tù Yếm Bách không gia. Toán hòa: vui vẻ, chẳng hòa: lo âu.

9 – 10 Mộc Giác chuyển đâu? Thần nào ứng chiếu, vui rầu ra sao? Biến xem dân dưới thế nào. Toán hòa vật thịnh tốt hòa 4 dân. Chẳng hòa Tù Bách gặp lần. Dịch lưu, đói kém, khổ lân thật nhiều.

Dữ lành toán định như trên. Du hung, Phúc cát, hiển nhiên như cầu (Toán Ngũ Phúc, với Đại Du toán hung) Nhất Vua, nhì Tể tướng, Vương hầu, ba là Phi hậu, 4 Âu Hoàng Trừ (Phó Vương); 5 dân, 6 trở Soái sự. Như về Thượng Tướng toán trừ 7 vân, 8 trung, 9 hạ tướng quân. Sĩ tốt, người dưới, nắm chân toán 10.

Trốn lánh

Trốn đâu? Tìm Thái Nhất nơi. Lánh mình, dấu tích nên ngồi Bài Văn (Văn Xương) Theo y như đã khuyên răn, không ai thấy được, nguy lẫn sang an.

Trải xem 8 cửa luận bàn. Kiền vào cửa Mở, cửa quan mạnh cường. Ra quân cờ dựng phô trương, giao phong chiến đấu, oai dương công thành.

Khảm lành (hưu) tụ phát, diễu binh.

Chiến công đại thắng, trăm vành đều hay.
 Cấn sinh lĩnh chức quan đây
 Đắp doanh chiếu trận xưa nay việc thành.
 Chấn Thương sẵn bắt đuổi nhanh.
 Đánh thành úp trận, công lệnh khỏi ngờ.
 Đổ máu xa lánh đừng chờ.
 Việc làm miễn cưỡng, bao giờ cũng xui.
 Tốn Đổng (đổ) thu nghịch, phục người.
 Vững thành đợi giặc, tranh hơi thì đình.
 Ẩn thân, dấu tích, tàng hình.
 Ra ngoài mê muội, thêm sinh mối ngờ.
 Ly Lớn hiển kế dâng thư, dương oai, khích lệ, dưới cờ ba quân.
 Phá vây, thoát hiểm như thần.
 Giao công thì khó, giữ phần hòa hơn.
 Khôn Tử phúng điệu cất chôn.
 Vững thành cao lũy, chiếm đồn chẳng nên.
 Đi xa cẩn thận lo rèn. Ruổi rong sẵn bắt gặp miền lưới thưa.
 Đoàn Kinh vui thú bạc cờ. Bắt trộm chiếm đất khi xô đổ thành.
 Dấy quân chấn động oai thanh, đi xa đáng sợ, úp thành mới hay.

Số lịch

Khảo xem khí vận đời nay. Lên ngôi năm ấy du bầy nông sâu.
 2, sơ, 5, 4 hào mong. Là điềm trường vị (dài ngôi) ngắn vòng 6 – 3.
 Hào dương người giúp đông mà
 Hào âm phù tá giỏi đà chẳng ai.
 (Hào dương có ứng, vua tôi được trị
 Hào âm không ứng, vua không có tôi giúp).
 Can Chi năm tức vị coi
 Đặt trên Nghĩa lớn đổi mời Âm Dương.
 (tức Âm Chủ và Thái dương).
 Lâm vào vận ách tai ương.
 Trong ngoài hào cực, phải tường nguyên do.
 Thái Yểm Cách Kịch Tù Hiệp Bách phải lo.
 Cực trong: nước ách, lửa lò, giáp binh (hoặc trộm cướp).
 Ví bằng ngoài cực hào kinh (đi qua)
 Nước vong, đất mất, đời khuyh hạn cùng.

Dùng 9, trăm sáu trùng phùng.

Vào ra đầu cuối, đều trùng tai ương.

Quẻ Tiểu Du

Tiểu Du là quẻ tai tường. Can chi trước xét. Sau lường hào trong.

Tượng lành sẽ thỏa ước mong.

Tượng hung, rồi sẽ thấy hung đến mà.

2 – 5 hào ví hiện ra. Làm theo đạo giữa, nên đà yên vui.

4 sơ vì toán hòa nên. Lại kiêm có ứng, một niên tốt lành.

Không hòa thiếu ứng phòng nhanh.

Vua không tôi giúp, đời thành nhiều nhương.

Lý Trời hào cực niên dương.

Trời Trăng mất sáng ngày thường âm u.

Lý Đất lúa thóc không thu,

Gió mưa không thuận hình thù đổi thay.

Lý Người thiếu thốn tai bay.

Kích Cách Hiệp Bách Yếm bày mọi hung.

Đói, đau, nước, hạn, binh hung.

Cực ngoài tai trọng, cực trong nhẹ thường.

Nạp Giáp (Thu mầm) hào động rõ ràng.

Giáp, Ất tạt dịch lở làng gió mưa.

Bính Đinh nạn lửa, tai đua.

Tiếng tai, lời gở trong thừa cơ mưu.

Mậu Kỷ sâu lúa tang ưu.

Canh Tân binh lửa, hoàng triều chẳng yên.

Nhâm Quý mưa rả rích liền.

Nước sông đầy rẫy, ưu phiền Hậu phi.

Lại xem đủ 12 chi, quyết điềm lành dữ phải suy Ngũ Hành.

Quẻ Đại Du

Hạn 9 – 6 Đại Du danh (9 Dương 106).

Xét xem số lịch so lạnh ngắn dài.

Quẻ ngoài: 12 một Rời (di).

Lý ngoài dương 9 an bài những phương.

Hết + 80, gặp tai dương (80 năm qua một cảnh, giữ số dương 9).

4 – 5 – 6 Tuế lại Vương lớn mà.

Quẻ trong 3 năm một qua. Lý trong, 106 số trong quẻ này.

Hai trăm tám chục niên rầy. Trải qua. 106 đến ngày tai ương.

4 – 3 hai chục (4320) niên vương.

Rồi hoàn số lớn nguyên dương lại kỳ.

Lấy năm tức vị Can Chi, Đặt trên nghĩa lớn xét vì Âm Dương.
(Âm Chủ Thái Dương).

Vào cung Ách hội tai ương.

Lại xem 9 – 6 thêm tường sao Du (9 dương 106).

Vào quẻ Du tượng hào thu. Ngắn dài số lịch lẽ trừ để phân.

Niên vua sáng nghiệp hồi tuần.

Trên năm tức vị chuyển vẫn những chi.

Rồi xem trên Mệnh thần gì? Hay : vì Vương Tướng. Dở: vì Tù Hưu.

Từng “nhóm” 3 – 6 đối âm. 7 – 1 Thần Đức Võ làm Trùng Dương.

Nghĩa (đại nghĩa) Thần (đại thần) 1 – 4 đơn trương.

2 – 5 Âm Chủ Thái, Dương Cơ (kỳ) (dương số cơ).

Địa Chủ Đại Uy 9 – 2.

8 – 1 số âm đối Đạo Trời (Thiên Đạo) Đức Dương (số đối âm).

Năm tức vị, âm dương tường.

Cần Khôn làm giới hữu nường Khôn cài.

Thiên Đạo 1, Đại Uy 2. (Đại Thần số 9 Tồn Dương tụng).

4 góc (duy) 9 ngôi Đại Thần. Lã Thân chuyển ngược hữu lần.

Như trên đất Cần thuận chân tả vòng.

Vũ Đức, Đại Tộc (nhóm Cả) 6 cung.

Âm Chủ và Âm Đức Trùng một linh. Đại Nghĩa, Địa Chủ 8 vánh.

Dương Đức trên Sửu thuận quanh tả về.

Đến hội ách phải ngừng đi, không hội ách gặp thì chuyển theo.

Tính Tù Yếm Bách toán gieo. Sau xem khối Ách mà neo tai tường.

(Ví như Hán Cao Cổ Bản Mệnh Giáp Dần, lên ngôi năm Ất Vị. Lấy Ất Vị trên Đại Nghĩa. Bản Mệnh Dần, trên thấy âm chủ, số âm 2 – 5, là 25 đế. Lại lấy năm lên ngôi trên Đại Nghĩa, Thái Dương tới thần Âm Chủ tới Dần, từ năm lên ngôi trên Vị Khởi 1 chuyển ngược Đại Uy 2, Đại Linh 9, Cao Tòng 4. Kể 16 năm, đến năm thứ 12, vào cục 67. Năm này Bính Ngọ, Thái Tuế là Thái Nhất bị Cách thì băng vong).

Toán Lành

Thần Lành trong Toán suy lường. 1, Vua lên điện là xương cát rồi.

Thân Vương, Thái Tử dựng ngôi, được 2 con toán là nơi đất lành.

Công thần chịu chức tôn vinh.

Lành khi Thời Kế toán hình được 3.

Lập Hoàng Hậu toán 5 ra. Thượng Thư trao chức toán đà 4 Chi.

6 thì toán lợi Tàn Phi. Đại Tướng được 7.

Thiên tỳ (phó tướng) 8 đơn.

Đại Phu trở xuống các quan, thì dùng toán 9.

10 bàn thứ nhân (người dưới).

Tính Tù Bách Cách không trần, Toán Hòa, Mệnh lại.

Xa Thân mới lạ

Tướng Quốc Chính

Tướng Quốc Chính xét Dân qua (Lã Thân)

Lên ngôi năm ấy, chính đã đổi thay.

Đổi thay phép chính năm nay. Là khi Đại Tộc có bày trong năm.

Rồi doanh: Vũ Đức đến thăm.

Đại Nghĩa gãy gập, khốn khăn kém tàn.

Binh đao, vận ách gian nan.

Lơ là kỷ luật, năm tràn ánh dương (Thái Dương).

Hoang tàn, tai hại, nhiều nhượng.

Tôi gian, mưu ác, niên thường gặp Âm (Thái Âm).

Tiếng đồn miệng lưỡi chọc châm.

Quên điều lễ nghĩa, Đất (Địa Chủ) lâm là kỳ

Đem năm đặt trên Can Chi, Toán dài Hòa ấy ứng khi dài đời.

Không hòa toán ngắn: ngắn thôi.

Như năm Giáp Tý truyền đời tàn quân.

Hòa dài ứng 90 năm xuân.

Hoặc trăm tám chục (180) năm lân dài kỳ.

Chẳng hòa, toán ngắn một khi, hoặc thì 2 x 9 hoặc thì 9 niên.

Xem Đại Thần ở trong miền, mọi hung lánh được tất nhiên vui mừng (Có Tính Tù cát hung thì không lành. Không có, những hung ấy: rất lành).

Hội Ách

Hội Ách ứng Châu quận từng.

Lấy Thần hợp Tuế trên trên vùng Tháng nay

Văn Xương Yểm Bách Thái đây. Thần nào là Tháng. Tai bay ấy kỳ (Như Cục 1, Tý Sửu khi (Tý mà có Sửu hợp) Thái Kiền Văn hợp với Chi Thân - Trời Sửu trên Mão tháng trở ngôi. Văn Xương Thân đóng vào ngôi 1 Kiền:

Tháng 10 năm ấy còn biên.

Văn Xương, Yểm Thái Nhất mà yên vì Hòa (có toán hòa).

Không hòa: hung hại càng gia.

Quận Châu chức Trưởng liệu mà phòng kiêng.

Văn Xương và tai nạn

Thiên Mục trao có phép riêng.
 Trên Chi năm kiếm Hợp nghiên Thần nào.
 (Văn Xương gia trên) Chi Năm).
 Ách tai vì tháng đến chào.
 Đối, Xung phương cũng như sao Bách vì.
 Thần Hợp Tuế trên Tuế Chi.
 Văn Xương đến tháng là kỳ có tai.
 Phương Xung cũng vậy không sai,
 Thần Hợp tháng đặt trên Chi ngày.
 Ngày tai Văn đến ngụ nay
 Đối Xung cũng hại như đây Chính Thần
 (Phương Xung Đối, tai phát cũng như Địa có Văn Xương tới)
 Tai ương đều tại Bài Văn (Văn Xương)
 Năm Dương: nắng hạn. Âm thần: nước nổi
 Ví như với Thái đồng lưu (Văn Xương Thái Nhất cùng cung)
 Cách Tù Yếm Bách Kích Hiệp Đề.
 Năm nào gặp thế khổn cùng.
 Vua tôi không hợp chẳng hòng được yên.

Thành trì và tai nạn

Tên Thành tai phát trong niên (Thành Quách)
 Chuyển lưu đầu đó, theo liền mà suy.
 Năm Dương, Dương Đức trên Chi (lấy Dương Đức trên Chi tuế)
 Đức niên âm cũng phải tùy tuế trên (năm âm, Âm Đức trên Chi tuế)
 Âm Chủ, Thái Dương đầu miền.
 Dương nhiều binh lửa, Âm phiên dịch tàn.
 Lại suy thành thuộc Chi Can, rõ điều
 Hình sát xét ban tháng Thần (nguyệt thần)
 Thành Tị Dậu Sửu cướp (Kiếp sát) Dần. Tai sát tại Mão.
 Thiên Luân tại Thìn (Thiên sát) Địa sát gia tại Tỵ giữ gìn
 Tự Hình tại Dậu y nhiên tai hành
 Đại Tướng và tướng giữ thành.
 Trùng niên mạng ấy dụng binh ích gì
 (Đại Tướng và tướng giữ thành không nên dụng binh)

Thành Thân Tý Thìn: Kiếp sát tại Tý - tai sát tại Ngọ - Thiên Sát tại Vị - Địa sát tại Thân. Hình tại Đông Thân hình Dần. Tý hình Mão. Thìn vẫn tự đâm tự hình.

Thành Dần Ngọ Tuất: Kiếp sát ở Hợi – Tai sát ở Tý – Thiên sát ở Sửu - Địa sát ở Dần. Hình tại Nam. Dần hình Tý. Tuất hình Vị. Ngọ vẫn tự đâm tự hình.

Thành Hợi Mão Mùi – Kiếp sát tại Thân – Tai sát ở Dậu.

Thiên sát ở Tuất - Địa sát tại Hợi – Hình tại Bắc.

Hợi tự đâm tự hình – Mão hình Tý - Vị hình Tuất.

Dùng kẻ giờ

Mọi xem đều xét Chi Giờ

Yên Đồi Bách Cách vật vờ ở trong.

Việc cầu muợn chẳng xứng lòng

Vì Văn Yếm Thái (Nhất) người không yên nào (người đi xa).

Tính Tù Khách Yếm tai trao (sinh).

Đủ, Hòa, Tướng Phát trăm tao tốt vờ.

8 chữ Vượng, Tướng, Thai, Một, Tù, Tử, Hưu, Phế

8 chữ trên tam ngôi coi (8 chữ là Vượng, Tướng, Thai, Một, Tù, Tử, Hưu, Phế)

8 ngôi là 8 quái (Mạnh Khá Thai Mất Giam Chết Thôi (bỏ) Phế (thải)

8 tiết khí của Khí Vượng ngồi ở trên. Lập Xuân Vượng ở 8 biên.

Tướng 3 Thai 4 Một liền 0 theo. 2 Tù 7 Tử gieo neo.

6 Hưu 1 Phế vòng gieo tự tuần.

Lại như khí thuộc Xuân Phân.

Vượng Tướng 3 – 4 vân vân thuận chiều (Thai Một Tù Tử Hưu Phế).

Thấy Thiên Mục trôi chảy luân lưu, đứng nơi đất Vượng gặp nhiều tốt hanh.

Tướng Thần có nói gặp tranh, lại rằng Văn lập, việc lành tốt thay.

Thai thần sinh sản việc này (thuộc chữ Sinh vào nơi Thiên Mục tức là Văn Xương tới phương Thai sản của phương). Một thần chìm đắm kỳ ngày qua sông.

Tù thần tù cấm tội đồng (hình cấm, ưu sự) Thái – Văn Xung tới tha hồng ban ân.

Tử chôn, Văn gặp (chết) tử thần. Hưu: lo bệnh tật, việc làm chẳng nên. Phế bỏ vất đi: thay đổi từng phen (lo sợ) Cùng vì Phế thần Thiên Mục đồng hành rõ chưa?

Cầu tài yết quí

Cầu Tiền, yết Quí toán chia

Văn Xương trong hiện hãy đi yết cầu.

Chủ mà Hiệp (cấp) Khách ngay đầu.

Văn Xương ngoài cửa yết cầu làm chi

Khách mà Hiệp Chủ gặp khi.

Yết cầu đều được xứng y như lòng.

Thái tinh mà giờ ngày cách cung
 Xin đơn yết qui chẳng hòng được nên.
 Chủ nhân mà Vượng Tướng ngồi trên.
 Người thường đừng đến làm phiền cửa quan.
 Văn Xương Cách Thái nhất một khoảng gian
 Đơn từ yết quý rồi hoàn cách ly (Trên dưới đều cách rời nhau).

Bắt phản

Quyết định chỉ dùng Thời khi, để xem bắt phản trong kỳ đao vong.
 Khách hiệp, Chủ kích bên trong
 Chủ nhân và Thái cũng cùng đường lai lâm
 Sao Văn ví ở trong tầm Bất thì phải được, trốn: cầm như chơi.
 Chủ đề hiệp, khách toán dài
 Văn Xương ngoài cũi bắt gài được ngay.
 Thái lâm tính hiệp Bách nay,
 Trốn: lòng tìm bắt được ngay tức thì
 Phương vây bắt mà Vượng Tướng khi
 Bị người lẳng nhục quay về tay không
 Nơi ẩn nấp muốn đoán trông
 Thời khi Thái Nhất lâm vào thời mong bắt cầm.
 Được rồi lại mất khôn tầm
 Thủy Kích Yểm Bách đến xâm Thái Thần

Vào tù

Vào tù đối tụng quấy rầy, Toán Giờ cần tổ hợp nay các thần
 Văn Xương Yểm Bách Thái phần
 Chủ nhân ngoài cũi hoặc gần (Mạnh) Vượng soi
 Phải nên đối với Lại coi Vào ngục để dãi có mồi thân oan.
 Chủ bên trong có Vượng ban,
 Đối lại vào ngục việc toàn chẳng nên
 Vào "Tù" gặp (Cả) Thái sơ len (lưu)
 Ngày vào cung ấy là phen tù ngồi.
 Thái và Chủ ví cùng trôi. Văn lâm để thoát giải nguôi mọi phiền.

Nghe, xem hư thực

Thực Hư nghe việc biết liền
 Nghiệm trong Thời Kế quyết nhiên sự tình.
 Văn Xương Ếm Bách Thái tinh. Việc lành thì dối, ác tính thấp cao.

Cửa đủ, tướng phát ra sao. Cát thì sự cát, hung nào hư không
 Văn trong: lo có, mừng không.
 Văn ngoài: lo vắng và mừng nở sinh
 Sao Chủ Hiệp Khách rành rành.
 Hung không, hỷ có, sự tình dễ phân.
 Cát không, hung có bày trần:
 Khách kia Hiệp Chủ là chân toán này
 Dương trùng: trùng hỷ xưa nay
 Thái, cung 3 ngự. Tham bày 9 cung (Tham tướng ở cung 9).
 Âm trùng: hung cũng gặp trùng.
 Như Thái: cung 7; Tham: cung 1 ngồi.
 (Thái lấy trước là ngoài, lấy sau là trong)

Người về định tới

Hành nhân, vết định tìm xoi. Lại hay chẳng lại hãy coi khách chờ/
 Người đi phương Bắc bây giờ (Định cũng vậy).
 Số dư 3 – 8 nhớ cơ chẳng về.
 (3 – 8 số phương Bắc, gặp số này thì không lại)
 Được hòa 2 – 7 số kẻ: số phương Nam ấy --> người về ngay kia.
 Các phương khác cứ thế chia. Biết lai hay chẳng lai kia sự tình (như xem về người phương Nam, được 2 – 7 là số phương Nam thì không lại, được 3 – 8 là số phương Bắc thì lại).
 Xem về người phương Đông, được 4 – 9, số phương Đông thì không lại (được 1 – 6; số phương Tây thì lại).
 Xem về người phương Tây được 1 – 6; số phương Tây, không lại. Mà (được 4 – 9; số phương Đông thì lại).
 Xem về người phương Bắc được 3 – 8; số phương Bắc thì không lại (được 2 – 7; số phương Nam thì lại).
 Chủ và Khách thấy cùng vành, hoặc là Tù Bách: loanh quanh chẳng Phát thì về đến ngay kia. Giỏi còn Ếm Kịch dặm khuya dùng dằng.
 Khách 1 là 1 ngày đặng. Gần thì 10 số, xa bằng 100 cây. (Như toán Khách dư 1 toán, gần thì 1 ngày, xa thì 10 ngày, rất xa thì 100 ngày).
 Toán 31 xưa nay. Lúc đi, về đếm từng ngày luân phiên.
 Xem vua tuần thú các miền. Tuế xem Văn Thái đứng miền 4 duy.
 Tuế Kể thấy Văn Xương Thái Nhất ở Kiền Khôn Cấn Tốn. Muốn hay phương ra gì.
 Văn Xương đâu đó quyết ghi được tình. Nhưng tùy số chuyển vận Canh. Thái Tù Bách Cách tháng lành ra đi (Thái Nhất tù bách cách dưới đó là kỳ tháng ra đi)
 Cấn ra Nam, Kiền Đông khi.

Tổn Tây Khôn Bắc, ra tùy 4 duy (phương).

Quận Châu dâng kế cử lương – 16 trở người cử đương hiền tài.

Hoặc đo cửa đủ, toán dài. 15 trở xuống cử người hẩn không.

Thần Gián biến hóa cát cung

Phép xét rõ:

Thần Gián biến hóa cát hung Khởi dương: muôn vật tốt bông (Địa Chủ ở Khâm, Tính Thủy làm nhuận dưới).

Là thần Địa Chủ gọi vòng vật giao. Đức Dương (âm) nuôi (để) vật, ân trao. Đức Hòa, phép xứng, vật bao tựu thành.

Duổi co muôn vật phát sinh (Lã Thần ở Dần là đầu 3 Dương, trước co rồi sau lại đuổi) Vận mưu sửa trị nên danh Lã dùng.

Cao Tùng muôn sự phát bông.

Muôn vật sầm uất đông dầy tà.

Thái Dương hội: ách binh qua

Tháng Thìn (Kiến Thần) sấm động tỏ ra oai trời (Thiên Uy)

Lục Âm thịnh muôn vật tươi. Đại Linh: hiệu lệnh sự thời tới (gặp) Thân. (Thân là hiệu lệnh, việc tới gặp).

Đức Người hóa vật phong ân (thịnh lớn).

Nát gãy phá hoại do Thần Lớn (đại thần) đây.

Đại Uy chinh đốn việc thay Lớn Lao lẫm liệt việc đầy quang minh.

Âm Đức Dương đức lại trình.

Lệnh trời cao cả ban hành thích nghi.

Chủ Mẫu Tẫn chủ Âm Tư (đực cái, riêng tư...)

Đại Vũ Thiên Đạo thuộc vì Vị Khôn.

Đại Tộc thay đổi giết mòn. Âm Chủ hội ách lại còn tang binh.

Vật muốn chết, kiến mong sinh.

Vũ Đức rời đổi, đăng trình, chuyển lưu.

Coi về bề gãy phá mưu Đại Nghĩa về tháng Hợi dịu dặt nên.

Hành quân ứng biến

Việc quân ứng đuổi. Đem quân đánh úp các miền.

Đằng Xà thấy chạy vào triều nước trong.

Chim theo cờ xí đậu vùng.

Chim bay kêu vọng, chiến công dập dồn (thấy 3 thứ ấy thắng lớn).

Mưa gió thuận, mây xanh tròn. Là điềm tốt lợi, trời son ứng kè.

Thấy như nằm phục quay về. Đi chinh rất tốt, điềm phê khởi bàn.

Thấy Rùa: vui vẻ khải hoàn.

Người treo đao được vô vàn hiển vinh.
Tiểu đồng (trẻ 6 – 7 – 8 – 9 tuổi) Xích phục, hách công thành (triệu này cát).
Tướng quân hùng tráng, hổ thanh oai hùng.
Rửa quân trang cát rồi hung.
Mưa to trước thuận sau cùng nghịch suy.
Trước thắng sau bại là khi.
Gió to trước thuận, mưa lồng nghịch xung.
Thấy mây trên sắc trắng, hồng.
Gió thì là thuận, mưa lồng nghịch suy.
Vành trời quầng tối, hồ ly (con cày hương)
Trong thuyền cá nhảy, sư ni thấy hình.
Trời không mây, mưa lại thành.
Người lớn đi đái lại quanh lại đây.
Trẻ mặc trắng áo cắt may (trẻ 3 – 4 – 5 tuổi).
Đều là triệu gỡ, triệu này rất hung (thua lớn).
Rắn qua đường, chớ giao phong.
Sư tan, tướng bại, tán cùng hết quân.
Bướm ong ngày lượn bay vùn.
Đêm trông lửa khi, khi gần đàn lang.
Chim đồng la hét đầu hàng. Đều là triệu dịch đặt trảng phục đây.
Trâu chọi khắp xứ chim bay.
Tướng địch đang tới, ta nay bị phòng.
Thấy ông già : nhọc không công.
Sợ kinh, vì ngựa chiến còn thêm run.
Ra quân không thấy cười vùn.
Khóc thì đằng trước hãy chùn chớ đi.
Thấy người tội trọng mang nặng khi.
Đi thì tổn thiệt, về thì nên công.
Chim đàn bay, quân tan trong.
Thấy cò quần cán, trại không yên nào.
Tướng thua, cò đổ, cán chao.
Cờ Lã quân bại lao đao tiền trình.
Bên tai gió thổi linh đình (tiếng chặt câ)
Tự nhiên cò lá chột hình động bay.
Quân thua, cò khiếp triệu này, giặc khu có 1 chim bay thấy kìa.

Yên doanh ứng biến

Yên doanh khắc ứng
Trong doanh chiêm trống đặt kia.
Tự nhiên vang tiếng là bia công thành.
Thú mạnh xông tới trước doanh.
Là triệu thắng lớn, tiền trình công quy.
Trong doanh, ong hợp không đi.
Triệu này thua thiệt còn gì chiến chinh.
Heo nai đếm chim liệng thành.
“Hư Kinh” sau trước quân tình động giao.
Trống, chim đậu. Thành rấn vào.
Hoặc khi hình rấn thấy nhào doanh nay.
Hiệu là thú lạ chẳng hay.
Tự nhiên đột nhập là bày triệu hung.
Tướng nên nghiêm bị đề phòng Kể từ bậc sĩ đến lòng tốt binh
Lại mau giặc đến vây thành.
Đàn mòng, đầu góc thành nghênh đậu đầy.
(chim mòng đậu đầu hướng vào doanh, là triệu có giặc vây).
Hướng vào quân sĩ hung thay.
Đàn mòng trong trại thấy ngay giữa đài.
Đàn chim qua lại trở lại. Trước tiến sau thoái trận bài phân minh.
Nên phòng kíp có giặc tranh.
Chim đàn bay bội số trình trong quân.
Trong doanh đội lại rấn vắn.
Hươu nai doanh tới chim quần tới doanh.
Hoặc mưu thông với địch tình
Hoặc mưu ngầm đặt trong ngành giao thông.

Xem mây biến

Phép xem mây biến
Khí mây trôi ngược xuôi trông
Toán chia chủ khách mới lòng xét suy.
Giả như được 18 chi, Bắc lai thuận thắng Nam thì ngược thua.
Thành trên mây đồ che ngừa.
Đại hiền trong đó, nên chừa chớ công.
Tựa hình người theo lên trông.

Quân kia trong có tướng hùng chớ chinh.

Mây trắng, dững tướng cường binh.

Giao công sao được. Vững thành hào sâu.

Mây năm sắc tựa đầu lâu. Đánh đi chắc phá, địch man bại tàn.

Trên tầng tầng, dưới lương khan.

Tướng quân đang đối. Đánh tràn khôn đương.

Mây xanh, ví lựa giữa đường Hoặc trên thành nhiều, đôi phường phục binh (có thứ mây này là có quân phục không công được).

Mây đen trên trại trên thành. Sừu Dân Thìn đánh, hấn dành thắng ngay (Sừu Dân Thìn ba chữ khắc).

Tầng tầng đùn lên khởi bay, khởi như chiếc tán từ mây đen xì.

Thấy đều toàn thắng, công đi ! Hoặc như tán loạn khác gì triệu trên (Mây đen khởi tán loạn, nên công giáp, được toàn thắng).

Thiếu lương: bay loạn, tụ, tan

Tùy phương bay, kíp đánh tràn, nên công.

Trên đồ tán loạn đồ cùng. Y dây kíp đánh, địch chung tán bầy.

Hình như quỷ đối loạn bay.

Theo mây khởi kíp công ngay, máu trào (máu chảy đầy).

Mây đen phủ thành trên cao.

Ngày đêm liên tiếp lúc nào mà phân.

30 ngày thốc đại quân, rạp bằng tắc cỏ, không phần sống quanh.

Dựng doanh nghe gió

Xem gió quái gỡ

Tướng quân dựng trại yên doanh.

Cán trường trên đặt một ngành mao thương.

(ngọn thương có túm lông)

Nhìn quanh suốt cả 4 phương.

Gió đằng trước lại: giặc đường đến chinh.

Gió theo trên tại lại trình.

Ta nên tặng thưởng sư binh, phòng người.

Sau lại thắng, công đi thôi.

Tả lai bật tiếng hữu thời giặc lai

(gió từ tả lại, nên im tiếng, không nên động binh).

Gió bay cát bụi tung trời. Quạt người ngã chết, mũi mũi dập dằn.

Có binh mạnh đến như thần.

Kíp rời doanh trại, lui quân dự phòng.

Sau trại nổi gió xoáy bùng. Đổ cờ gãy ngọn, đại hung tránh nào.
 Kíp rời trại đến gò cao. Lui 30 dặm, đợi ao giặc cường.
 Trên không, gió xoáy tiếng buông.
 Phát phơ đuôi ngựa ngọn thương lá cờ.
 Kíp vì chinh bị quân cơ (Rời nơi thấp đến chỗ cao phòng bị).
 Ruổi rong theo gió mà khu, thắng người.

Xem chim gió rẽ thắng phụ

Hai trận hơn kém chia soi.
 Chim bay, mây gió, xét thời biết ngay.
 Ất cung Xung Đối lại này.
 Kíp phòng chiến lớn trong ngày mà thôi. (Như Nhật kể, cung Ất, gió mây chim bay theo hướng đối xung lại, tất có chiến lớn nên phòng bị).
 Như Nhất ở Tốn Mộc ngôi
 Từ Kiên lại Kim khắc Mộc thời rất hung.
 Đại Tướng Chủ Khách đứng trong.
 Từ phương Đức lại mới mong thắng người. (Năm Tý Sửu Hợi, Đức ở phương Nam. Năm Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ, ở phương Tây. Năm Vị ở phương Bắc. Năm Thân Dậu Tuất ở Đông. Tháng 1, 2 ở phương Tây. Tháng 3 ở Tây Nam. Tháng 4, 5, 12 ở Tây Bắc. Tháng 8, 9 ở Bắc. Tháng 10, 11 ở Đông Nam).
 Hoặc từ niên tháng những ngôi (Thái Tuế, Nguyệt Kiến: Tháng tử) vào Chủ, chủ bại, Khách coi cũng tàn.
 Gió trợ Khách Cấn, Khảm, Càn.
 Ứng trận: trước thắng, sau hoàn bại bi.
 Gió trợ Chủ Chấn, Tốn, Ly: CỬ trước thảm bại, sau thì thắng công.
 7 Khôn, cung Thổ, gió bùng.
 Hai bên cùng thiệt, mưu dùng chẳng nên.
 (chủ khách đều không lợi).
 Khách có phục, gió Đoài rền.
 Chủ có phòng bị, phản liên bại vong.
 (gió này trợ Chủ, cử trước thì hung, cử sau thì thắng).
 Thế vang sấm động trống công,
 Gió cung, tướng Chủ vốn lòng hòa khoan.
 Đá vàng va chạm loang soang.
 Trống chiêng vang vọng. Thương toàn oai thay.
 (oai mạnh, thích giết)
 Phập phập rung động rừng cây.
 Tướng nhân duy gió Giác nay thổi bùng.

Thế như ngựa chạy, lửa hồng.

Gió Chủy: tướng mạnh, giao phong phải chờn.

Nước trôi tung sóng rập rờn.

Gió Vũ: tướng giỏi trá còn gian tham.

(Tướng tham bạo, nhiều tham muốn).

Nghe gió thắng địch

Trong quân sáng sáng diện đàm.

Mặt sau gió thổi, ngựa kham hý lồng.

Khởi khởi cờ trở địch phòng.

Ruổi rong phá giặc, mọi mong vẹn toàn.

Từ bên lại, hướng trước làn.

Được làn gió ấy trời ban trợ phù.

Bày binh, lượng địch ta thu.

Công thành, tiếp tấu, địch sư lại hàng.

Trong 3 ngày đất địch sang,

Lâm râm mưa gió, tiếng vang sầm rền

Theo ta vào thành địch liền.

Được trời trợ, dẹp giặc yên thu toàn.

Nghe gió bại

Lại đem 3 ngày đường bàn.

Phập phồng gió thổi ngược làn công ta.

Xí cờ không cất ngọn qua. Lướt theo sau, hoặc tà tà sang bên.

Thổi bông tung cát bụi lên.

Ngựa, người vướng căng như chen lẫn bừa.

Gọi là gió quỷ, tên xưa.

Ra quân tất bại, lân lư bị cầm.

Năm Tướng chia theo Ngũ Hành

Thái Ất	Mộc	Vượng	ở Tam Xuân
Thủy Kích	Hỏa	Vượng	ở Tam Hạ
Văn Xương	Thổ	Vượng	ở Tứ Quý
Chủ Đại Tướng	Thủy	Vượng	ở Tam Đông
Chủ Tham	Mộc	sinh	ở Đông, Vượng ở Xuân
Khách Đại Tướng	Kim	Vượng	ở Thu
Khách Tham	Thủy	sinh	ở Thu, mạnh ở Đông.

Kinh nói: 5 Tướng 5 Hành, Tùy 4 mùa mà rõ lành dữ. Hễ dàn binh ở đồng, 2 quân đương nhau, được khí sinh thì thắng, khí chết thì bại.

Ví như 3 tháng Thu Kim Vượng. Tháng 8 đánh phương Đông. Thời ấy: Thái Tộc (nhóm cầ) là Thủy Kích là được khí sống, chiến chắc được lớn.

Ví Cao Tòng là Thủy Kích, tức được khí chết, chiến chắc bị tan tác. Y lệ này mà suy ra.

Rõ Kể Thần - Định Kể

Hai Thần giữ việc gì

Kinh nói: Kể Thần là Sứ của Tuế Kế Thần Thiên Cơ thuộc Hỏa – là cái đuốc – là cái lồng đuốc lửa của Thiên Ất. Quyền hành ở chốn U Minh có thể chiếu Độ Kể. Cho nên gọi là Kể Thần.

Mệnh khởi ở Dần

Âm Cục khởi ở Thân.

Định Kế Mục là phần thừa của Hỏa tiếp, là sứ của Huỳnh Hoặc (đom đóm).

Lường độ lạnh dữ (Hưu Cữu) khi động trước

Là Thần xét lại (Trùng Thảm).

Đi lần lượt, không có ngôi, thuộc về Khách.

HẾT CUỐN II